

CHƯƠNG 1

TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

I. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

Câu 1. Có mấy nguồn gốc ra đời của triết học?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

ANSWER: A

Câu 2. Triết học ra đời từ nguồn gốc nào sau đây?

A. Nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc xã hội

B. Nguồn gốc kinh tế

C. Nguồn gốc giai cấp

D. Nguồn gốc tôn giáo

ANSWER: A

Câu 3. Có nhiều định nghĩa về triết học, nhưng các định nghĩa thường bao hàm mấy nội dung chủ yếu?

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

ANSWER: B

Câu 4. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin thì Triết học là gì?

A. Hệ thống lý luận chung nhất về thế giới; con người; về vai trò, vị trí của con người trong thế giới

B. Khoa học của mọi khoa học

C. Con đường suy ngẫm theo lẽ phải

D. Trí tuệ

ANSWER: A

Câu 5. Khoảng từ thế kỷ VIII đến thế kỷ VI tr.CN, triết học ra đời ở các nước nào?

A. Nga, Trung Quốc, Hy Lạp

B. Đức, Nga, Hy Lạp

C. Đức, Trung Quốc, Hy Lạp

D. Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp

ANSWER: D

Câu 6. Nhà triết học nào khởi đầu cho nền triết học cổ điển Đức?

- A. I. Canto'
- B. L. Phoiobắc
- C. Ph. Hêghen
- D. Ph. Ăngghen

ANSWER: A

Câu 7. Điền cụm từ đúng vào chỗ trống: Khái niệm triết học Mác – Lênin: “Triết học là hệ thống chung nhất về thế giới và vị trí con người trong thế giới đó, là khoa học về những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy”.

- A. Học thuyết lý luận
- B. Quan điểm lý luận**
- C. Lý luận
- D. Học thuyết

ANSWER: B

Câu 8. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Triết học C.Mác xác định đối tượng nghiên cứu của mình là tiếp tục giải quyết mối quan hệ giữa tồn tại và tư duy, giữa vật chất và ý thức trên lập trường và nghiên cứu những quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy.

- A. Duy vật triệt để / chung nhất**
- B. Duy tâm triệt để / cụ thể
- C. Duy tâm khách quan / khách quan
- D. Duy tâm chủ quan / chung nhất

ANSWER: A

Câu 9. Nói triết học là hạt nhân của thế giới quan, theo quan điểm của triết học Mác – Lênin có mấy nội dung?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

ANSWER: B

Câu 10. Vai trò của triết học trong đời sống xã hội là gì?

A. Hạt nhân lý luận của thế giới quan

B. Vũ khí lý luận của giai cấp công nhân

C. Hạt nhân lý luận của phương pháp luận

C. Là phương pháp cách mạng

ANSWER: A

Câu 11. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Ph.Ăngghen viết: “Vấn đề cơ bản lớn của mọi triết học, đặc biệt là của triết học hiện đại, là vấn đề quan hệ giữa ……………”.

A. Vật chất và ý thức

- B. Tư duy với tồn tại**
- C. Ý thức với tinh thần
- D. Con người với tự nhiên

ANSWER: B

Câu 12. Vấn đề cơ bản của triết học có mấy mặt?

- A. 2**
- B. 3
- C. 4
- D. 5

ANSWER: A

Câu 13. Vấn đề cơ bản của triết học là gì?

- A. Mối quan hệ giữa vật chất và tư duy
- B. Mối quan hệ giữa tồn tại và ý thức
- C. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức**
- D. Mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội

ANSWER: C

Câu 14. Quan điểm “Vật chất có trước ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức” thuộc về trường phái triết học nào?

A. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

B. Chủ nghĩa duy vật

C. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

D. Nhị nguyên luận

ANSWER: B

Câu 15. Cho đến nay chủ nghĩa duy vật đã thể hiện dưới mấy hình thức cơ bản?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

ANSWER: B

Câu 16. Chủ nghĩa duy vật đã phát triển qua 3 giai đoạn, hãy sắp xếp theo trình tự phát triển.

A. Chủ nghĩa duy vật siêu hình; chủ nghĩa duy vật biện chứng; chủ nghĩa duy vật chất phác

B. Chủ nghĩa duy vật biện chứng; chủ nghĩa duy vật chất phác; chủ nghĩa duy vật siêu hình

C. Chủ nghĩa duy vật chất phác; chủ nghĩa duy vật siêu hình; chủ

nghĩa duy vật biện chứng

D. Chủ nghĩa duy vật chất phác; chủ nghĩa duy vật thời kỳ Trung cổ;
chủ nghĩa duy vật siêu hình

ANSWER: C

Câu 17. Chủ nghĩa duy vật nào mang nặng tính trực quan, ngây thơ, chất phác?

- A. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- B. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- C. Chủ nghĩa duy vật chất phác**
- D. Chủ nghĩa duy vật thời kỳ Trung cổ

ANSWER: C

Câu 18. Chủ nghĩa duy vật nào khi xem xét sự, vật hiện tượng ở trong trạng thái biệt lập và tĩnh tại, không liên hệ, tác động qua lại giữa các sự, hiện tượng?

- A. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- B. Chủ nghĩa duy vật chất phác
- C. Chủ nghĩa duy vật thời kỳ Cổ đại
- D. Chủ nghĩa duy vật siêu hình**

ANSWER: D

Câu 19. Chủ nghĩa duy vật nào không chỉ phản ánh hiện thực đúng như

chính bản thân nó tồn tại mà còn là một công cụ hữu hiệu giúp những lực lượng tiến bộ trong xã hội cải tạo hiện thực ấy?

- A. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**
- B. Chủ nghĩa duy vật chất phác
- C. Chủ nghĩa duy vật thời kỳ Trung cổ
- D. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

ANSWER: A

Câu 20. Chủ nghĩa duy vật biện chứng được sáng lập vào thời gian nào?

- A. Cuối thế kỷ XIX
- B. Những năm 20 của thế kỷ XIX
- C. Giữa thế kỷ XX
- D. Những năm 40 của thế kỷ XIX**

ANSWER: D

Câu 21. Chủ nghĩa duy vật biện chứng do ai sáng lập?

- A. C. Mác và Ph. Ăng ghen**
- B. C. Mác và V. I. Lê nin
- C. C. Mác và L. Phoiơbắc
- D. C. Mác và Ph. Hê ghen

ANSWER: A

Câu 22. Quan điểm cho rằng: ý thức có trước vật chất có sau, ý thức quyết định vật chất thuộc về trường phái triết học nào?

- A. Chủ nghĩa duy vật

B. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

C. Chủ nghĩa duy tâm

D. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

ANSWER: C

Câu 23. Chủ nghĩa duy tâm nào khẳng định mọi sự vật, hiện tượng chỉ là sự phức hợp của những cảm giác?

A. Duy tâm khách quan

B. Duy tâm chủ quan

C. Nhị nguyên luận

D. Bất khả tri

ANSWER: B

Câu 24. Chủ nghĩa duy tâm nào thừa nhận tính thứ nhất của ý thức nhưng coi đó là là thứ tinh thần khách quan có trước và tồn tại độc lập với con người?

A. Duy tâm khách quan

B. Duy tâm chủ quan

C. Nhị nguyên luận

D. Bất khả tri

ANSWER: A

Câu 25. Học thuyết triết học nào thừa nhận vật chất là bản nguyên (nguồn gốc) của thế giới, quyết định sự vận động của thế giới ?

- A. Nhất nguyên luận duy tâm
- B. Nhất nguyên luận duy vật**
- C. Đa nguyên luận duy vật
- D. Nhị nguyên luận duy tâm

ANSWER: B

Câu 26. Học thuyết triết học nào thừa nhận ý thức là bản nguyên (nguồn gốc) của thế giới, quyết định sự vận động của thế giới?

- A. Nhất nguyên luận duy tâm**
- B. Nhất nguyên luận duy vật
- C. Đa nguyên luận duy vật
- D. Nhị nguyên luận duy tâm

ANSWER: B

Câu 27. Học thuyết triết học nào thừa nhận cả hai bản nguyên vật chất và tinh thần, xem vật chất và tinh thần là hai bản nguyên có thể cùng quyết định nguồn gốc và sự vận động của thế giới?

- A. Nhất nguyên luận duy tâm
- B. Nhất nguyên luận duy vật
- C. Đa nguyên luận duy vật
- D. Nhị nguyên luận**

ANSWER: D

Câu 28. Học thuyết triết học nào khẳng định khả năng nhận thức của con người về thế giới?

- A. Thuyết khả tri
- B. Thuyết bất khả tri
- C. Thuyết nhị nguyên
- D. Thuyết đa nguyên

ANSWER: A

Câu 29. Học thuyết triết học nào phủ nhận khả năng nhận thức của con người về thế giới?

- A. Thuyết khả tri
- B. Thuyết bất khả tri
- C. Thuyết thuyết đa nguyên
- D. Thuyết nhị nguyên luận

ANSWER: B

Câu 30. Phương pháp triết học nào nhận thức đối tượng ở trạng thái cô lập, tách rời đối tượng ra khỏi các quan hệ được xem xét và coi các mặt đối lập với nhau có một ranh giới tuyệt đối?

- A. Phương pháp biện chứng
- B. Phương pháp siêu hình

- C. Phương pháp phân tích và tổng hợp
- D. Phương pháp thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

ANSWER: B

Câu 31. Phương pháp triết học nào nhận thức đối tượng trong các mối liên hệ phổ biến vốn có của nó. Đối tượng và các thành phần của đối tượng luôn trong sự lệ thuộc, ảnh hưởng nhau, ràng buộc, quy định lẫn nhau?

- A. Phương pháp biện chứng
- B. Phương pháp siêu hình
- C. Phương pháp lịch sử – cụ thể
- D. Phương pháp thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

ANSWER: A

Câu 32. Có mấy hình thức của phép biện chứng trong lịch sử?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

ANSWER: B

Câu 33. Sắp xếp theo thứ tự theo trình độ phát triển của phép biện chứng?

A. Phép biện chứng tự phát thời Cổ đại; phép biện chứng duy tâm ở triết học cổ điển Đức; phép biện chứng duy vật

B. Phép biện chứng duy tâm ở triết học cổ điển Đức; phép biện chứng duy vật; phép biện chứng siêu hình

C. Phép biện chứng duy vật; phép biện chứng siêu hình; phép biện chứng duy tâm ở triết học cổ điển Đức

D. Phép biện chứng siêu hình, phép biện chứng duy tâm ở triết học cổ điển Đức; phép biện chứng duy vật

ANSWER: A

Câu 34. Các nhà triết học họ thấy được các sự vật, hiện tượng của vũ trụ vận động trong sự sinh thành, biến hóa vô cùng vô tận. Song chỉ là trực quan, chưa có các kết quả của nghiên cứu và thực nghiệm khoa học minh chứng, thuộc phép biện chứng nào?

A. Phép biện chứng tự phát thời Cổ đại

B. Phép biện chứng duy tâm ở triết học cổ điển Đức

C. Phép biện chứng duy vật

D. Phép biện chứng siêu hình

ANSWER: A

Câu 35. Các nhà triết học đã trình bày một cách có hệ thống những nội

dung quan trọng nhất của phương pháp biện chứng. Biện chứng theo họ, bắt đầu từ tinh thần và kết thúc ở tinh thần, thuộc phép biện chứng nào?

- A. Phép biện chứng duy vật
- B. **Phép biện chứng duy tâm**
- C. Phép biện chứng tự phát thời kỳ Cổ đại
- D. Phép biện chứng siêu hình

ANSWER: B

Câu 36. Phép biện chứng với tính cách là học thuyết về mối liên hệ phổ biến và về sự phát triển dưới hình thức hoàn bị nhất thuộc phép biện chứng nào?

- A. Phép biện chứng duy tâm
- B. Phép biện chứng tự phát thời kỳ Cổ đại
- C. **Phép biện chứng duy vật**
- D. Phép biện chứng siêu hình

ANSWER: C

II. TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI.

Câu 37. Chọn nội dung sai trong những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác.

- A. Điều kiện kinh tế - xã hội
- B. Nguồn gốc lý luận và tiền đề khoa học tự nhiên

C. Nhân tố chủ quan trong sự hình thành triết học Mác

D. Cuộc cách mạng tháng 10 Nga năm 1917

ANSWER: D

Câu 38. Chọn nội dung sai trong điều kiện kinh tế – xã hội của sự ra đời triết học Mác.

A. Sự củng cố và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong điều kiện cách mạng công nghiệp

B. Sự xuất hiện của giai cấp vô sản trên vũ đài lịch sử với tính cách một lực lượng chính trị - xã hội độc lập

C. Sự xuất hiện của giai cấp tư sản và sự thống trị của nó

D. Thực tiễn cách mạng của giai cấp vô sản

ANSWER: C

Câu 39. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: C.Mác và Ph.Ăngghen viết: "Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cảtrước kia gộp lại".

A. Lực lượng sản xuất / các thể hệ

B. Quan hệ sản xuất / các thời đại

C. Cơ sở vật chất / các chế độ xã hội

D. Cơ sở hạ tầng / các thời kỳ

ANSWER: A

Câu 40. Chọn nội dung sai về nguồn gốc lý luận của sự ra đời triết học Mác.

- A. Triết học cổ điển Đức
- B. Kinh tế chính trị học của Anh
- C. Chủ nghĩa xã hội không tưởng của Pháp
- D. Kinh tế chính trị học của Đức**

ANSWER: D

Câu 41. Có mấy phát minh khoa là tiền đề khoa học tự nhiên cho sự ra đời triết học Mác?

- A. 2
- B. 3**
- C. 4
- D. 5

ANSWER: B

Câu 42. Chọn đáp án sai về tiền đề khoa học tự nhiên cho sự ra đời triết học Mác.

- A. Học thuyết tế bào
- B. Học thuyết tiến hóa
- C. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng
- D. Học thuyết giá trị**

ANSWER: D

Câu 43. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Triết học Mác cũng như toàn bộ chủ nghĩa Mác ra đời như một không những vì đời sống và thực tiễn, nhất là thực tiễn cách mạng của giai cấp công nhân, đòi hỏi phải có lý luận mới soi đường mà còn vì những tiền đề cho sự ra đời lý luận mới đã được nhân loại tạo ra.

- A. Tất yếu lịch sử
- B. Yêu cầu của thời đại
- C. Thiên tài của V. I. Lê nin
- D. Thiên tài của Ăngghen

ANSWER: A

Câu 44. Chọn nội dung sai về nhân tố chủ quan trong sự hình thành triết học Mác.

A. Thiên tài và hoạt động thực tiễn không biết mệt mỏi của C.Mác và Ph.Ăngghen, lập trường giai cấp công nhân và tình cảm đặc biệt của hai ông đối với nhân dân lao động

B. C.Mác và Ph.Ăngghen là những thiên tài kiệt xuất có sự kết hợp nhuần nhuyễn và sâu sắc những phẩm chất tinh túy và uyên bác nhất của nhà bác học và nhà cách mạng

C. Mác và Ph. Ăngghen đều xuất thân từ tầng lớp trên của xã hội đương thời, nhưng hai ông đều sớm tự nguyện hiến dâng cuộc đời mình cho cuộc đấu tranh vì hạnh phúc của nhân loại

D. Mác và Ph. Ăngghen đều xuất thân từ giai cấp tư sản và luôn bảo vệ lợi ích cho giai cấp mình

ANSWER: D

Câu 45. Có mấy thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

ANSWER: A

Câu 46. C. Mác và Ph. Ăngghen đã vận dụng và mở rộng quan điểm duy vật biện chứng vào nghiên cứu lịch sử xã hội, C. Mác và Ph. Ăngghen đã sáng tạo ra?

A. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

B. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

C. Học thuyết giá trị

D. Học thuyết giá trị thặng dư

ANSWER: B

Câu 47. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: C.Mác và Ph.Ăngghen,

đã khắc phục tính chất trực quan, siêu hình củacũ và khắc phục tính chất duy tâm, thần bí của phép biện chứng duy tâm, sáng tạo ra mộthoàn bị, đó là chủ nghĩa duy vật biện chứng

- A. Chủ nghĩa duy vật / chủ nghĩa duy vật triết học
- B. Chủ nghĩa duy tâm / chủ nghĩa duy vật
- C. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan / chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng / chủ nghĩa duy tâm chủ quan

ANSWER: A

Câu 48. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: C.Mác và Ph. Ăngghen đã vận dụng và mở rộng quan điểm duy vật biện chứng vào nghiên cứu lịch sử xã hội, sáng tạo ra - nội dung chủ yếu của bước ngoặt cách mạng trong triết học.

- A. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- B. Chủ nghĩa duy vật lịch sử
- C. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- D. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

ANSWER: B

Câu 49. Một trong những đặc trưng nổi bật của triết học Mác là gì?

- A. Tính khoa học
- B. Tính cách mạng
- C. Tính sáng tạo

D. Tính khách quan

ANSWER: C

Câu 50. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: V.I.Lênin trở thành người kế tục trung thành và chủ nghĩa Mác và triết học Mác trong thời đại mới - thời đại đế quốc chủ nghĩa và quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

A. Phát triển sáng tạo

B. Phát triển đúng đắn

C. Phát triển một cách khoa học

D. Phát triển

ANSWER: A

Câu 51. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Triết học Mác - Lênin là hệ thống quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy - thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của, nhân dân lao động và các trong nhận thức và cải tạo thế giới

A. Của giai cấp nông dân / lực lượng tiến bộ

B. Của giai cấp công nhân / lực lượng xã hội tiến bộ

C. Của giai cấp tư sản / lực lượng xã hội

D. Của quần chúng / lực lượng xã hội

ANSWER: B

Chương 2

CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

I. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

Câu 52. Trường phái triết học nào cho rằng con người hoặc là không thể, hoặc là chỉ nhận thức được cái bóng, cái bề ngoài của sự vật, hiện tượng?

- A. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- B. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- C. Chủ nghĩa duy tâm**
- D. Chủ nghĩa duy vật thời cổ đại

ANSWER: C

Câu 53. Quan điểm của nhà triết học nào nhất quán từ xưa đến nay thừa nhận sự tồn tại khách quan của thế giới vật chất, lấy bản thân giới tự nhiên để giải thích tự nhiên?

- A. Nhị nguyên luận
- B. Duy vật**
- C. Duy tâm khách quan
- D. Duy tâm chủ quan

ANSWER: B

Câu 54. Các nhà duy vật thời kỳ nào quy vật chất về một hay một vài dạng cụ thể của nó và xem chúng là khởi nguyên của thế giới, tức quy vật chất về những vật thể hữu hình, cảm tính đang tồn tại ở thế giới bên ngoài?

- A. Chủ nghĩa duy vật thời Cổ đại
- B. Chủ nghĩa duy tâm thời Cổ đại
- C. Chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII - XVIII
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

ANSWER: A

Câu 56. Các nhà duy vật thời kỳ nào thường đồng nhất vật chất với khối lượng, coi những định luật cơ học như những chân lý không thể thêm bớt và giải thích mọi hiện tượng của thế giới theo những chuẩn mực thuần túy cơ học; xem vật chất, vận động, không gian, thời gian như những thực thể khác nhau, không có mối liên hệ nội tại với nhau?

- A. Chủ nghĩa duy vật thời Cổ đại
- B. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- C. Chủ nghĩa duy vật thế kỷ XV - XVIII
- D. Chủ nghĩa Mác –Lênin

ANSWER: C

Câu 57. Có mấy phát minh khoa học tiêu biểu trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX góp phần dẫn đến sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất?

- A. 3
- B. 4
- C. 5

D. 6

ANSWER: B

Câu 58. Phát minh khoa học nào sau đây không phải là tiền đề khoa học tự nhiên cho sự ra đời của triết học Mác?

A. Học thuyết giá trị thặng dư

B. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng

C. Học thuyết tế bào

D. Học thuyết tiến hóa

ANSWER: A

Câu 59. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: V.I. Lênin đã đưa ra định nghĩa về vật chất: “Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh, và tồn tại không lệ thuộc vào”.

A. Thực tại khách quan / cảm giác

B. Hiện thực khách quan / con người

C. Tồn tại khách quan / tư duy

D. Thực tại khách quan / nhận thức

ANSWER: A

Câu 60. Thuộc tính nào là thuộc tính cơ bản nhất để phân biệt giữa vật

chất và ý thức ?

A. Tồn tại khách quan

B. Tồn tại chủ quan

C. Tồn tại trong ý thức

D. Tồn tại trong cảm giác

ANSWER: A

Câu 61. Định nghĩa vật chất của V.I.Lênin bao hàm mấy nội dung cơ bản?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

ANSWER: B

Câu 62. Định nghĩa vật chất của V.I.Lênin được trình bày trong tác phẩm nào?

A. Bút ký triết học

B. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán

C. Nhà nước và cách mạng

D. Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản

ANSWER: B

Câu 63. Định nghĩa vật chất của V.I. Lênin đã giải quyết vấn đề cơ bản của triết học trên lập trường nào?

- A. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- B. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- C. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**

ANSWER: D

Câu 64. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: V.I.Lênin nhấn mạnh rằng, phạm trù triết học này dùng để chỉ cái “Đặc tính duy nhất của vật chất mà chủ nghĩa duy vật triết học gắn liền với việc thừa nhận đặc tính này - là cái đặc tính tồn tại với tư cách là, tồn tại ở ngoài ý thức chúng ta”

- A. Tồn tại khách quan
- B. Thực tế khách quan
- C. Hiện thực khách quan**
- D. Hiện thực chủ quan

ANSWER: C

Câu 65. Chọn nội dung đúng: Định nghĩa vật chất của V.I. Lênin đã giải quyết hai mặt vấn đề cơ bản của triết học trên lập trường của chủ nghĩa

duy vật biện chứng là gì?

- A. Vật chất và ý thức cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào và con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không?
- B. Vật chất và ý thức cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào và con người không có khả năng nhận thức được thế giới
- C. Vật chất và ý thức không có cái nào có trước, không có cái nào có sau, không cái nào quyết định cái nào và con người không có khả năng nhận thức được thế giới
- D. Vật chất và ý thức không có cái nào có trước, không có cái nào có sau, không cái nào quyết định cái nào và con người có khả năng nhận thức được thế giới

ANSWER: A

Câu 66. Chọn nội dung sai về ý nghĩa phương pháp luận của định nghĩa vật chất của Lênin.

- A. Giải quyết hai mặt vấn đề cơ bản của triết học trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng
- B. Cung cấp nguyên tắc thế giới quan và phương pháp luận khoa học để đấu tranh chống chủ nghĩa duy tâm, thuyết không thể biết, chủ nghĩa duy vật siêu hình và mọi biểu hiện của chúng trong triết học tư sản hiện đại về phạm trù này
- C. Cơ sở khoa học cho việc xác định vật chất trong lĩnh vực xã hội - đó

là các điều kiện sinh hoạt vật chất và các quan hệ vật chất xã hội

D. Chưa có cơ sở khoa học cho việc xác định vật chất trong lĩnh vực xã hội

ANSWER: D

Câu 67. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Ph.Ăngghen viết: “Vận động, hiểu theo nghĩa chung nhất, - tức được hiểu là một tồn tại của vật chất, là mộtcủa vật chất, - thì bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ, kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư duy”.

A. Phương thức / thuộc tính cố hữu

B. Cách thức / thuộc tính hữu cơ

C. Hình thức / thuộc tính gắn liền

D. Hình thái / thuộc tính cố hữu

ANSWER: A

Câu 68. Phương thức tồn tại của vật chất là gì?

A. Vận động

B. Không gian

C. Thời gian

D. Khách quan

ANSWER: A

Câu 69 Chọn nội dung sai về vận động theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Vận động là mọi sự thay đổi
- B. Vận động xã hội là hình thức vận động cao nhất
- C. Vận động là tương đối, đứng im là tuyệt đối**
- D. Vận động của vật chất được bảo toàn

ANSWER: C

Câu 70. Ph. Ăngghen dựa trên những thành tựu nào để phân chia các hình thức vận động cơ bản của vật chất?

- A. Thành tựu khoa học đương thời**
- B. Trình độ kết cấu của vật chất
- C. Sự phát triển của chủ nghĩa duy vật
- D. Sự phân loại của các khoa học

ANSWER: A

Câu 71. Có mấy hình thức vận động của vật chất?

- A. 4
- B. 5**
- C. 6
- D. 7

ANSWER: B

Câu 72. Hình thức vận động nào là hình thức vận động cao nhất của thế giới vật chất?

- A. Vận động cơ học
- B. Vận động vật lý, hóa học
- C. Vận động sinh học
- D. Vận động xã hội**

ANSWER: D

Câu 73. Các nhà triết học duy vật thời kỳ nào, đã quy mọi hình thức vận động thành một hình thức duy nhất là vận động cơ học?

- A. Thời kỳ Cổ đại
- B. Thời kỳ Phục hưng
- C. Thời kỳ cận đại**
- D. Thời kỳ hiện nay

ANSWER: C

Câu 74. Hình thức vận động đặc trưng của con người là vận động nào?

- A. Vật lý
- B. Xã hội**
- C. Hóa học
- D. Sinh học

ANSWER: B

Câu 75. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, hình thức tồn tại của vật chất xét về mặt quang tính, sự cùng tồn tại, trật tự, kết cấu và sự tác động lẫn nhau được gọi là gì?

A. Không gian

B. Thời gian

C. Vận động

D. Vật chất

ANSWER: A

Câu 76. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, hình thức tồn tại của vật chất vận động xét về mặt độ dài diễn biến, sự kế tiếp của các quá trình được gọi là gì?

A. Không gian

B. Thời gian

C. Vận động

D. Vật chất

ANSWER: B

Câu 77. Theo chủ nghĩa duy vật hiểu sự tồn tại của thế giới như một chỉnh thể mà bản chất của nó là gì?

A. Vật chất

B. Ý thức

- C. Tinh thần
- D. Ý niệm tuyệt đối

ANSWER: A

Câu 78. Theo các nhà triết học duy tâm khẳng định chỉ có thế giới tinh thần mới tồn tại nên bản chất của tồn tại là gì?

- A. Vật chất
- B. Ý niệm tuyệt đối
- C. Chúa trời

D. Tinh thần

ANSWER: D

Câu 79. Chọn nội dung sai: Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định bản chất của thế giới là vật chất, thế giới thống nhất ở tính vật chất. Điều đó được thể hiện ở những điểm cơ bản nào?

- A. Chỉ một thế giới duy nhất và thống nhất là thế giới vật chất. Thế giới vật chất tồn tại khách quan, có trước và độc lập với ý thức con người, được ý thức con người phản ánh
- B. Mọi bộ phận của thế giới có mối quan hệ vật chất thống nhất với nhau
- C. Thế giới vật chất không do ai sinh ra và cũng không tự mất đi, nó tồn tại vĩnh viễn, vô hạn và vô tận
- D. Thế giới vật chất do Chúa sinh ra và đến thời gian nào đó sẽ mất đi,**

nó không tồn tại vĩnh viễn

ANSWER: D

Câu 80. Khi lý giải nguồn gốc ra đời của ý thức, các nhà triết học cho rằng, ý thức là nguyên thể đầu tiên, tồn tại vĩnh viễn, là nguyên nhân sinh thành, chi phối sự tồn tại, biến đổi của toàn bộ thế giới vật chất thuộc về chủ nghĩa nào?

- A. Chủ nghĩa duy vật
- B. **Chủ nghĩa duy tâm**
- C. Thuyết nhị nguyên
- D. Bất khả tri

ANSWER: B

Câu 81. Những nhà triết học họ đã tuyệt đối hoá vai trò của lý tính, khẳng định thế giới "ý niệm", hay "ý niệm tuyệt đối" là bản thể, sinh ra toàn bộ thế giới hiện thực thuộc chủ nghĩa nào?

- A. **Chủ nghĩa duy tâm khách quan**
- B. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

ANSWER: A

Câu 82. Những nhà triết học họ đã tuyệt đối hoá vai trò của cảm giác, coi

cảm giác là tồn tại duy nhất, "tiên thiên", sản sinh ra thế giới vật chất thuộc chủ nghĩa nào?

- A. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- B. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan**
- C. Thuyết nhị nguyên
- D. Bất khả tri

ANSWER: B

Câu 83. Những nhà triết học nào đã khẳng định: Ý thức là thuộc tính phổ biến của mọi dạng vật chất - từ giới vô sinh đến giới hữu sinh, mà cao nhất là con người?

- A. Rôbinê, Hếchken, Đidơrô**
- B. Phôgtơ, Mólétst, Buykhơne
- C. Mác và Ăngghen
- D. Hê ghen và L. Phoiơbắc

ANSWER: A

Câu 84. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Những sai lầm, hạn chế của chủ nghĩa duy tâm, duy vật siêu hình trong quan niệm về ý thức đã được các giai cấp bóc lột, thống trị triệt để lợi dụng, lấy đó làm....., công cụ để nô dịch tinh thần quần chúng lao động.

- A. Cơ sở thực tiễn
- B. Cơ sở khách quan

C. Cơ sở lý luận

D. Cơ sở duy nhất

ANSWER: C

Câu 85. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, ý thức ra đời có mấy nguồn gốc?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

ANSWER: A

Câu 86. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, ý thức ra đời từ nguồn gốc nào?

A. Nguồn gốc siêu nhiên

B. Khi não bộ của con người phát triển

C. Do Thượng đế quyết định

D. Nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội

ANSWER: D

Câu 87. Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, nhân tố trực tiếp và quan trọng nhất cho sự ra đời và phát triển của ý thức là gì?

- A. Lao động
- B. Ngôn ngữ
- C. Thế giới khách quan
- D. Bộ óc con người

ANSWER: A

Câu 88. Chọn nội dung sai về quá trình phản ánh của thế giới vật chất.

- A. Phản ánh là thuộc tính phổ biến của mọi dạng vật chất, được biểu hiện trong sự liên hệ, tác động qua lại giữa các đối tượng vật chất với nhau.
- B. Đó là sự tái tạo những đặc điểm của một hệ thống vật chất này ở một hệ thống vật chất khác trong quá trình tác động qua lại của chúng.
- C. Sự phản ánh phụ thuộc vào vật tác động và vật nhận tác động; đồng thời luôn mang nội dung thông tin của vật tác động.
- D. Phản ánh là thuộc tính của một dạng vật chất, đó là bộ óc con người

ANSWER: D

Câu 89. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguồn gốc tự nhiên ra đời của ý thức là gì?

- A. Bộ óc con người

B. Thế giới khác quan

C. Sự tác động của thế giới khách quan vào óc người để óc người phản ánh

D. Sự xuất hiện ngôn ngữ

ANSWER: C

Câu 90. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguồn gốc xã hội ra đời ý thức là gì?

A. Lao động ra đời trước

B. Ngôn ngữ ra đời sau

C. Cùng với lao động xuất hiện ngôn ngữ

D. Khi não bộ của con người phát triển

ANSWER: C

Câu 91. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: Hoạt động thực tiễn của loài người mới là, quyết định sự ra đời của ý thức.

A. Nguồn gốc trực tiếp

B. Nguồn gốc gián tiếp

C. Nguồn gốc duy nhất

D. Nguồn gốc trung gian

ANSWER: A

Câu 92. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Mác và Ăngghen đã nhiều lần chỉ rõ rằng: “Ý thức không những có nguồn gốc tự nhiên mà

còn có nguồn gốc xã hội và là một hiện tượng.....”.

- A. Mang bản chất tự nhiên
- B. Mang bản chất xã hội**
- C. Mang bản chất con người
- D. Mang bản chất tự nhiên và xã hội

ANSWER: B

Câu 93. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, sự phản ánh của ý thức là như thế nào?

- A. Phản ánh thụ động
- B. Phản ánh sinh học
- C. Phản ánh sáng tạo**
- D. Phản ánh vật lý

ANSWER: C

Câu 94. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Ăngghen viết: "Đem so sánh con người với các loài vật, người ta sẽ thấy rõ rằng bắt nguồn từ lao động và cùng phát triển với, đó là cách giải thích đúng về nguồn gốc của ngôn ngữ".

- A. Ngôn ngữ / lao động**
- B. Tiếng nói / hoạt động
- C. Chữ viết / thực tiễn
- D. Ngôn ngữ / thực tế

ANSWER: A

Câu 95. Chọn nội dung sai về bản chất của ngôn ngữ theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

- A. Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu vật chất do thượng đế sáng tạo ra để con người giao tiếp với nhau
- B. Ngôn ngữ xuất hiện trở thành "vỏ vật chất" của tư duy; là hiện thực trực tiếp của ý thức
- C. Ngôn ngữ là phương thức để ý thức tồn tại với tư cách là sản phẩm xã hội - lịch sử
- D. Ngôn ngữ xuất hiện trở thành phương tiện giao tiếp và công cụ của tư duy

ANSWER: A

Câu 96. Những yếu tố nào kích thích chủ yếu làm chuyển biến dần bộ óc của loài vượn người thành bộ óc con người và tâm lý động vật thành ý thức con người?

- A. Lao động
- B. Ngôn ngữ
- C. Lao động và ngôn ngữ
- D. Khi não bộ con người phát triển

ANSWER: C

Câu 97. Chọn nội dung sai về ý thức: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng về sự phản ánh của ý thức là gì?

- A. Ý thức là sự phản ánh năng động, sáng tạo
- B. Ý thức là một thực tiễn tinh thần**
- C. Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan
- D. Ý thức mang bản chất xã hội

ANSWER: B

Câu 98. Chủ nghĩa nào đã cường điệu vai trò của ý thức một cách thái quá, trừu tượng tới mức thoát ly đời sống hiện thực, biến nó thành một thực thể tồn tại độc lập, thực tại duy nhất và nguồn gốc sinh ra thế giới vật chất?

- A. Chủ nghĩa duy vật thời kỳ Cổ đại
- B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- D. Chủ nghĩa duy tâm**

ANSWER: D

Câu 99. Chủ nghĩa nào đã tầm thường hoá vai trò của ý thức. Họ coi ý thức cũng chỉ là một dạng vật chất; hoặc coi ý thức chỉ là sự phản ánh giản đơn, thụ động thế giới vật chất, tách rời thực tiễn xã hội rất phong phú, sinh động?

- A. Chủ nghĩa duy vật thời kỳ Cổ đại
- B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình**
- C. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- D. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

ANSWER: B

Câu 100. Trong các yếu tố hợp thành các quá trình tâm lý tích cực của ý thức bao gồm tri thức, tình cảm, niềm tin, ý chí...; thì nhân tố cơ bản, cốt lõi nhất là gì?

- A. Tri thức
- B. Tình cảm
- C. Niềm tin
- D. Ý chí

ANSWER: A

Câu 101. Các nhà triết học họ coi ý thức là tồn tại duy nhất, tuyệt đối, là tính thứ nhất từ đó sinh ra tất cả; còn thế giới vật chất chỉ là bản sao, biểu hiện khác của ý thức tinh thần, là tính thứ hai, do ý thức tinh thần sinh ra thuộc về chủ nghĩa nào?

- A. Chủ nghĩa duy vật
- B. Chủ nghĩa duy tâm
- C. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- D. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

ANSWER: B

Câu 102. Các nhà triết học họ tuyệt đối hoá yếu tố vật chất, chỉ nhấn mạnh một chiều vai trò của vật chất sinh ra ý thức, quyết định ý thức, phủ nhận tính độc lập tương đối của ý thức thuộc về chủ nghĩa nào?

- A. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- B. Chủ nghĩa duy vật thời kỳ Cổ đại
- C. **Chủ nghĩa duy vật siêu hình**
- D. Chủ nghĩa duy tâm

ANSWER: C

Câu 103. Các nhà triết học cho rằng: vật chất và ý thức có mối quan hệ biện chứng, trong đó vật chất quyết định ý thức, còn ý thức tác động tích cực trở lại vật chất thuộc về chủ nghĩa nào?

- A. **Chủ nghĩa duy vật biện chứng**
- B. Chủ nghĩa duy vật thời kỳ Cổ đại
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

ANSWER: A

Câu 104. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vai trò quyết định của vật chất đối với ý thức được thể hiện trên mấy nội dung?

- A. 3
- B. **4**
- C. 5
- D. 6

ANSWER: B

Câu 105. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, hãy chọn nội dung sai về vai trò của vật chất đối với ý thức.

- A. Vật chất quyết định nguồn gốc của ý thức.
- B. Vật chất quyết định nội dung của ý thức.
- C. Vật chất quyết định sự vận động, phát triển của ý thức.
- D. Vật chất ý thức độc lập với nhau.**

ANSWER: D

Câu 106. Tìm nội dung sai về vai trò quyết định của vật chất đối với ý thức, theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

- A. Vật chất quyết định nguồn gốc của ý thức
- B. Vật chất quyết định nội dung của ý thức
- C. Vật chất quyết định bản chất của ý thức
- D. Vật chất quyết định tình cảm của con người**

ANSWER: D

Câu 107. Tìm nội dung sai về vai trò quyết định của vật chất đối với ý thức, theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

- A. Vật chất quyết định nội dung của ý thức
- B. Vật chất quyết định bản chất của ý thức
- C. Vật chất quyết định kết cấu của ý thức**

D. Vật chất quyết định sự vận động, phát triển của ý thức

ANSWER: C

Câu 108. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: Ý thức có tính độc lập tương đối và tác động trở lại vật chất có mấy nội dung?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

ANSWER: B

Câu 109. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, hãy chọn nội sai về tính độc lập tương đối của ý thức

A. Ý thức là sự phản ánh thế giới vật chất vào trong đầu óc con người, do vật chất sinh ra, nhưng khi đã ra đời thì ý thức có “đời sống” riêng, có quy luật vận động, phát triển riêng, không lệ thuộc một cách máy móc vào vật chất.

B. Sự tác động của ý thức đối với vật chất phải thông qua hoạt động thực tiễn của con người.

C. Ý thức chỉ đạo hoạt động, hành động của con người, nó có thể quyết định làm cho hoạt động của con người đúng hay sai, thành công hay thất bại.

D. Ý thức quyết định mọi mặt của đời sống xã hội

ANSWER: D

Câu 110. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, ý thức một khi ra đời thì có tính độc lập tương đối, tác động trở lại thế giới vật chất. Ý thức có thể thay đổi so với hiện thực, nhưng nhìn chung nó thường thay đổi so với sự biến đổi của thế giới vật chất.

- A. Nhanh, chậm, đi song hành / chậm
- B. Chậm, đi song hành / nhanh
- C. Nhanh, đi song hành / cùng một lúc
- D. Nhanh, đi song hành / nhanh

ANSWER: A

Câu 111. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: "Vũ khí của sự phê phán cố nhiên không thể thay thế được sự phê phán của vũ khí, chỉ có thể bị đánh đổ bằng; nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng".

- A. Lực lượng tinh thần / lực lượng tinh thần
- B. Lực lượng vật chất / lực lượng vật chất
- C. Lực lượng cách mạng / lực lượng phản cách mạng
- D. Lực lượng quần chúng nhân dân / lực lượng phản động

ANSWER: B

Câu 112. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vai trò của ý thức thể hiện ở chỗ nó hoạt động, hành động của con người; nó có thể quyết định làm cho của con người đúng hay sai, thành công hay thất bại.

- A. Chỉ đạo / hoạt động
- B. Soi đường / hành động
- C. Chỉ đường / hoạt động thực tiễn
- D. Hướng dẫn / hành động thực tế

ANSWER: A

Câu 113. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Từ mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong triết học Mác - Lênin, rút ra nguyên tắc phương pháp luận là kết hợp

- A. Tôn trọng thực tế / phát huy ý thức của con người
- B. Tôn trọng tính khách quan / phát huy tính năng động chủ quan
- C. Tôn trọng thực tiễn / phát huy tính năng động khách quan
- D. Tôn trọng tính chủ quan / phát huy tính sáng tạo của con người

ANSWER: B

Câu 114. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Để nhận thức, cải tạo sự vật, hiện tượng, phải xuất từ chính bản thân sự vật hiện tượng đó với những thuộc tính, mối liên hệ bên trong vốn có của nó, cần

phải làm gì?

- A. Tránh chủ nghĩa chủ quan, bệnh chủ quan duy ý chí
- B. Vận dụng lý luận nhận thức duy vật biện chứng
- C. Vận dụng những thành tựu khoa học
- D. Vận dụng phép biện chứng duy vật

ANSWER: A

Câu 115. Chọn nội dung sai, theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: Phải phát huy tính năng động sáng tạo của ý thức, phát huy vai trò nhân tố con người cần phải:

- A. Chống tư tưởng, thái độ thụ động, ỷ lại, ngồi chờ, bảo thủ, trì trệ, thiếu tính sáng tạo
- B. Phải coi trọng vai trò của ý thức, coi trọng công tác tư tưởng và giáo dục tư tưởng, coi trọng giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh
- C. Phải giáo dục và nâng cao trình độ tri thức khoa học, củng cố, bồi dưỡng nhiệt tình, ý chí cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nói chung
- D. Phải phát huy chủ nghĩa cá nhân, phát huy lợi ích cá nhân, coi trọng giáo dục khoa học tự nhiên

ANSWER: D

II. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT.

Câu 116. Phép biện chứng đã phát triển qua mấy hình thức cơ bản trong lịch sử triết học?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

ANSWER: A

Câu 117. Ai là người xây dựng hình thức lịch sử thứ 3 của phép biện chứng?

A. Các Mác- Ăngghen

B. Lênin

C. Hegel

D. Heraclitus

ANSWER: A

Câu 117. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Ăngghen định nghĩa “Phép biện chứng chẳng qua chỉ là môn khoa học về những của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của”.

A. Quy luật chung / ý thức

B. Quy luật phổ biến / tư duy

- C. Quy luật riêng / nhận thức
- D. Quy luật đặc thù / con người

ANSWER: B

Câu 118. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Lênin đưa ra định nghĩa về phép biện chứng: “Có thể định nghĩa vắn tắt phép biện chứng là học thuyết về sự thống nhất của các như thế là nắm được của phép biện chứng, nhưng điều đó đòi hỏi phải có những sự giải thích và một sự phát triển thêm”.

- A. Mặt đối lập / hạt nhân**
- B. Thuộc tính / trọng tâm
- C. Yếu tố / cơ bản
- D. Sự vật, hiện tượng / cốt lõi

ANSWER: A

Câu 119. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Khái niệm “Mối liên hệ” là một phạm trù triết học dùng để chỉ các tương hỗ, quy định và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các yếu tố, bộ phận trong hoặc giữa các đối tượng với nhau.

- A. Mối quan hệ / nhiều đối tượng
- B. Mối ràng buộc / một đối tượng**
- C. Mối liên hệ / hai sự vật
- D. Sự tác động qua lại / một đối tượng

ANSWER: B

Câu 120. Tính chất của nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, theo phép biện chứng duy vật là gì?

A. Tính khách quan - tính phổ biến - tính đa dạng, phong phú

B. Tính cụ thể - tính phổ biến - tính đa dạng

C. Tính trừu tượng - tính khách quan - tính phổ biến

D. Tính hệ thống - tính cụ thể - tính chủ quan

ANSWER: A

Câu 121. Có mấy tính chất của mối liên hệ phổ biến theo quan điểm của phép biện chứng duy vật?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

ANSWER: B

Câu 122. Theo quan điểm của phép biện chứng duy vật: Hãy chỉ ra nội dung sai về tính chất của mối liên hệ phổ biến.

A. Tính sáng tạo

B. Tính khách quan

C. Tính phổ biến

D. Tính đa dạng phong phú

ANSWER: A

Câu 123. Theo quan điểm của phép biện chứng duy vật: Mỗi liên hệ thể hiện ở chỗ, bất kỳ nơi đâu, trong tự nhiên, trong xã hội và trong tư duy đều có vô vàn các mối liên hệ đa dạng, chúng giữ những vai trò, vị trí khác nhau trong sự vận động, chuyển hóa của các sự vật, hiện tượng thuộc tính chất nào?

A. Tính khách quan; tính phổ biến; tính đa dạng, phong phú

B. Tính phổ biến; tính khách quan; tính nhảy vọt

C. Tính phổ biến; tính khách quan; tính đa dạng

D. Tính phổ biến; tính khách quan; tính lặp lại

ANSWER: A

Câu 124. Từ nội dung của nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, phép biện chứng khái quát thành nguyên tắc toàn diện, với mấy yêu cầu đối với chủ thể hoạt động nhận thức và thực tiễn?

A. 3 yêu cầu

B. 4 yêu cầu

C. 5 yêu cầu

D. 6 yêu cầu

ANSWER: B

Câu 125. Từ nội dung của nguyên lý về mối liên hệ phổ biến: Hãy chỉ ra nguyên tắc đúng được rút ra từ nội dung của nguyên lý trên?

- A. Nguyên tắc phát triển
- B. Nguyên tắc thống nhất giữa logic và lịch sử
- C. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn
- D. Nguyên tắc toàn diện và nguyên tắc lịch sử cụ thể**

ANSWER: D

Câu 126. Chọn nội dung sai về nguyên tắc toàn diện của nguyên lý mối liên hệ phổ biến.

- A. Khi nghiên cứu, xem xét đối tượng cụ thể, cần đặt nó trong chỉnh thể thống nhất của tất cả các mặt, các bộ phận, các yếu tố, các thuộc tính, các mối liên hệ của chỉnh thể đó
- B. Chủ thể phải rút ra được các mặt, các mối liên hệ tất yếu của đối tượng đó và nhận thức chúng trong sự thống nhất hữu cơ nội tại
- C. Cần xem xét đối tượng này trong mối liên hệ với đối tượng khác và với môi trường xung quanh, kể cả các mặt của các mối liên hệ trung gian, gián tiếp

D. Khi nghiên cứu, xem xét đối tượng cụ thể, không cần đặt nó trong chỉnh thể thống nhất của tất cả các mặt, các bộ phận...mà chỉ xem xét từng mặt, từng bộ phận của sự vật

ANSWER: D

Câu 127. Tôn trọng quan điểm toàn diện, cần phải chống lại biểu hiện nào sau đây?

A. Cách nhìn nhận phiến diện, một chiều

B. Quan điểm lịch sử - cụ thể

C. Quan điểm thực tiễn

D. Nguyên tắc khách quan

ANSWER: A

Câu 128. Chọn nội dung sai: Theo quan điểm của phép biện chứng duy vật, sự vận động, phát triển của sự vật là như thế nào?

A. Mang tính khách quan

B. Phụ thuộc vào ý thức của con người

C. Bắt nguồn từ sự giải quyết mâu thuẫn của sự vật đó

D. Thể hiện trong tự nhiên – xã hội – tư duy

ANSWER: B

Câu 129. Chọn nội dung sai: Theo quan điểm của phép biện chứng duy vật về sự phát triển của sự vật – hiện tượng là như thế nào?

- A. Mọi sự vật đều tồn tại trong trạng thái vận động, biến đổi
- B. Mọi sự vật đều nằm trong khuynh hướng chung là phát triển
- C. Có sự vật phát triển, có sự vật không phát triển
- D. Mọi sự vật đều phát triển**

ANSWER: D

Câu 130. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Theo quan điểm của phép biện chứng duy vật: Phát triển là từ thấp đến cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn, từ chất cũ đến chất mới ở cao hơn.

- A. Quá trình vận động / trình độ**
- B. Quá trình thay đổi / tốc độ
- C. Quá trình đi lên / biến đổi
- D. Quá trình biến đổi / trình độ

ANSWER: A

Câu 131. Nghiên cứu nguyên lý về sự phát triển giúp nhận thức được rằng, muốn nắm được bản chất, nắm được khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện tượng thì phải tự giác tuân thủ nguyên tắc phát triển, nguyên tắc này đòi hỏi có mấy yêu cầu?

- A. 3
- B. 4**
- C. 5
- D. 6

ANSWER: B

Câu 132. Nghiên cứu nguyên lý về sự phát triển giúp nhận thức được rằng, muốn nắm được bản chất, nắm được khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện tượng thì phải tự giác tuân thủ nguyên tắc gì?

A. Nguyên tắc phát triển

B. Nguyên tắc lịch sử

C. Nguyên tắc toàn diện

D. Nguyên tắc kế thừa

ANSWER: A

Câu 133. Chọn nội dung sai về nguyên tắc phát triển của nguyên lý phát triển.

A. Khi nghiên cứu, cần đặt đối tượng vào sự vận động, phát hiện xu hướng biến đổi của nó để không chỉ nhận thức nó ở trạng thái hiện tại, mà còn dự báo được khuynh hướng phát triển của nó trong tương lai

B. Cần nhận thức được rằng, phát triển là quá trình trải qua nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn có đặc điểm, tính chất, hình thức khác nhau nên cần tìm hình thức, phương pháp tác động phù hợp để hoặc thúc đẩy, hoặc kìm hãm sự phát triển đó

C. Phải sớm phát hiện và ủng hộ đối tượng mới hợp quy luật, tạo điều kiện cho nó phát triển; chống lại quan điểm bảo thủ, trì trệ, định kiến

D. Trong quá trình thay thế đối tượng cũ bằng đối tượng mới không cần kế thừa các yếu tố tích cực từ đối tượng cũ mà chỉ phát triển sáng tạo những yếu tố mới của sự vật

ANSWER: D

Câu 134. Theo phép biện chứng duy vật, quan điểm phát triển đối lập với tư tưởng nào sau đây?

A. Bảo thủ, trì trệ, định kiến

B. Quan điểm toàn diện

C. Quan điểm lịch sử - cụ thể

D. Tư tưởng phát hiện cái mới, ủng hộ cái mới, tạo điều kiện cho cái mới phát triển

ANSWER: A

Câu 135. Những khái niệm rộng nhất phản ánh những mặt, những thuộc tính, những mối liên hệ chung, cơ bản nhất của các sự vật, hiện tượng thuộc một lĩnh vực nhất định được gọi là gì?

A. Quy luật

B. Phạm trù

C. Nguyên lý

D. Danh từ riêng

ANSWER: B

Câu 136. Phép biện chứng duy vật có mấy cặp phạm trù cơ bản?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

ANSWER: D

Câu 137. Trong phép biện chứng duy vật cặp phạm trù cơ bản nào chỉ mối liên hệ giữa các yếu tố bên trong với các yếu tố bên ngoài của sự vật?

A. Cặp phạm trù nguyên nhân, kết quả

B. Cặp phạm trù nội dung, hình thức

C. Cặp phạm trù tất nhiên, ngẫu nhiên

D. Cặp phạm trù khả năng, hiện thực

ANSWER: B

Câu 138. Theo phép biện chứng duy vật: phạm trù chỉ sự tác động lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau, gây ra một biến đổi nhất định nào đó được gọi là gì?

- A. Kết quả
- B. Nguyên nhân**
- C. Hình thức
- D. Bản chất

ANSWER: B

Câu 139. Theo phép biện chứng duy vật: phạm trù chỉ những biến đổi xuất hiện do tác động lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra được gọi là gì?

- A. Nhân quả
- B. Nguyên nhân
- C. Kết quả**
- D. Hình thức

ANSWER: C

Câu 140. Chọn nội dung sai: Theo phép biện chứng duy vật về mối quan hệ giữa nguyên nhân và kết quả là:

- A. Một nguyên nhân chỉ đưa đến một kết quả duy nhất**
- B. Một nguyên nhân có thể dẫn đến nhiều kết quả

C. Một kết quả có thể do nhiều nguyên nhân tạo nên

D. Nguyên nhân và kết quả có thể thay đổi vị trí cho nhau theo những quan hệ xác định

ANSWER: A

Câu 141. Mỗi liên hệ nhân quả có mấy tính chất?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

ANSWER: B

Câu 142. Hãy chỉ ra tính chất của mỗi quan hệ nhân quả?

A. Tính toàn diện và tiến lên

B. Tính lặp lại theo chu kỳ

C. Tính khách quan, phổ biến, tất yếu

D. Tính đa dạng và phong phú

ANSWER: C

Câu 143. Chọn nội dung sai khi nói về ý nghĩa phương pháp luận của mỗi liên hệ nhân quả.

- A. Nếu bất kỳ sự vật, hiện tượng nào cũng có nguyên nhân của nó và do nguyên nhân quyết định
- B. Xét về mặt thời gian, nguyên nhân có trước kết quả nên khi tìm nguyên nhân của một sự vật, hiện tượng cần tìm ở các sự vật, sự kiện, mối liên hệ đã xảy ra trước khi sự vật, hiện tượng xuất hiện
- C. Một sự vật, hiện tượng có thể do nhiều nguyên nhân sinh ra và quyết định, nên khi nghiên cứu sự vật, hiện tượng đó không vội kết luận về nguyên nhân nào đã sinh ra nó
- D. Ban đêm có trước ban ngày, cho nên ban đêm là nguyên nhân của ban ngày, ban ngày là kết quả của ban đêm

ANSWER: D

Câu 144. Chọn nội dung đúng về mối quan hệ giữa tất nhiên và ngẫu nhiên.

- A. Cái tất nhiên bao giờ cũng vạch đường đi cho mình thông qua vô số cái ngẫu nhiên
- B. Tất nhiên và ngẫu nhiên đều tồn tại chủ quan
- C. Cái ngẫu nhiên đóng vai trò quyết định
- D. Tất nhiên và ngẫu nhiên không thể chuyển hóa lẫn nhau theo những quan hệ xác định

ANSWER: A

Câu 145. Sự tổng hợp tất cả những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo nên sự vật, hiện tượng là phạm trù nào sau đây?

- A. Hình thức
- B. Nội dung**
- C. Bản chất
- D. Hiện tượng

ANSWER: B

Câu 146. Sự tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ tất nhiên, tương đối ổn định ở bên trong, quy định sự vận động và phát triển của sự vật là phạm trù nào sau đây?

- A. Bản chất**
- B. Hiện tượng
- C. Nội dung
- D. Hình thức

ANSWER: A

Câu 147: Ai là tác giả của câu: “ Bản chất hiện ra, hiện tượng là có tính bản chất”?

- A. C. Mác
- B. Ph.Ăngghen
- C. Ph. Hêghen
- D. V.I. Lênin**

ANSWER: D

Câu 148. Chọn nội dung đúng về mối quan hệ biện chứng giữa bản chất và hiện tượng theo phép biện chứng duy vật.

- A. Bản chất và hiện tượng tồn tại bất biến
- B. Bản chất và hiện tượng tồn tại tách rời nhau, có bản chất tồn tại thuần túy ngoài hiện tượng
- C. Bản chất là cái thường xuyên biến đổi, còn hiện tượng là cái tương đối ổn định
- D. Bản chất là cái chung, cái tất yếu; còn hiện tượng là cái riêng biệt, phong phú và đa dạng

ANSWER: D

Câu 149. Chọn nội dung sai về mối quan hệ giữa nội dung và hình thức theo phép biện chứng duy vật.

- A. Nội dung và hình thức tồn tại biệt lập với nhau
- B. Một nội dung có thể biểu hiện trong nhiều hình thức
- C. Cùng một hình thức có thể chứa đựng nhiều nội dung
- D. Nội dung quyết định hình thức, hình thức có tác động trở lại nội dung

ANSWER: A

Câu 150. Chọn nội dung sai về mối quan hệ giữa khả năng và hiện thực theo phép biện chứng duy vật.

- A. Khả năng và hiện thực có thể chuyển hóa lẫn nhau theo những quan hệ xác định
- B. Một sự vật, hiện tượng có thể tồn tại một hoặc nhiều khả năng
- C. Cần phải dựa vào hiện thực để xác lập cho nhận thức và hành động
- D. Khả năng và hiện thực không thể chuyển hóa lẫn nhau**

ANSWER: D

Câu 151. Phép biện chứng duy vật nghiên cứu loại quy luật nào?

- A. Quy luật phổ biến**
- B. Quy luật riêng
- C. Quy luật chung
- D. Quy luật của tư duy

ANSWER: A

Câu 152. Theo phép biện chứng duy vật, mâu thuẫn biện chứng mang những tính chất nào?

- A. Tính khách quan - tính phổ biến - tính cụ thể
- B. Tính khách quan - tính phổ biến - tính đa dạng, phong phú**
- C. Tính phổ biến - tính cụ thể - tính lịch sử
- D. Tính đa dạng, phong phú - tính chủ quan - tính thống nhất

ANSWER: B

Câu 153. Hoàn tất nội dung sau: quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại chỉ ra

- A. Nguồn gốc của sự vận động, phát triển
- B. Cách thức chung nhất của sự vận động, phát triển**
- C. Khuynh hướng của sự vận động, phát triển
- D. Nguyên nhân của sự vận động, phát triển

ANSWER: B

Câu 154. Phạm trù dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng; là sự thống nhất hữu cơ của các thuộc tính, yếu tố tạo nên sự vật, hiện tượng làm cho sự vật, hiện tượng là nó mà không phải là sự vật, hiện tượng khác là phạm trù nào?

- A. Lượng
- B. Độ
- C. Chất**
- D. Điểm nút

ANSWER: C

Câu 155. phạm trù dùng để chỉ tính quy định vốn có của sự vật, hiện tượng về mặt quy mô, trình độ phát triển, các yếu tố biểu hiện ở số lượng các thuộc tính, ở tổng số các bộ phận, ở đại lượng, ở tốc độ và nhịp điệu vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng là phạm trù nào?

A. Độ

B. Lượng

C. Chất

D. Điểm nút

ANSWER: B

Câu 156. Chọn nội dung sai về mối quan hệ biện chứng giữa chất và lượng theo quan điểm của phép biện chứng duy vật.

A. Chất và lượng tồn tại tách rời, biệt lập nhau

B. Chất và lượng đều tồn tại khách quan

C. Lượng tồn tại trong sự thống nhất với chất để tạo nên sự vật

D. Sự phân biệt giữa chất và lượng chỉ có ý nghĩa tương đối

ANSWER: A

Câu 157. Theo phép biện chứng duy vật, khoảng giới hạn mà trong đó sự thay đổi về lượng chưa làm thay đổi căn bản chất của sự vật, hiện tượng được gọi bằng khái niệm nào?

A. Điểm nút

B. Bước nhảy

C. Chất

D. Độ

ANSWER: D

Câu 158. Theo phép biện chứng duy vật, sự thay đổi về lượng đạt tới chỗ phá vỡ độ cũ, làm cho chất của sự vật, hiện tượng thay đổi, chuyển thành chất mới, thời điểm mà tại đó bắt đầu xảy ra bước nhảy gọi là gì?

- A. Độ
- B. Bước nhảy
- C. Vận động
- D. Điểm nút**

ANSWER: D

Câu 159. Theo phép biện chứng duy vật: Khái niệm dùng để chỉ giai đoạn chuyển hóa cơ bản về chất của sự vật, hiện tượng do những thay đổi về lượng trước đó gây ra, là bước ngoặt cơ bản trong sự biến đổi về lượng gọi là gì?

- A. Độ
- B. Bước nhảy**
- C. Vận động
- D. Điểm nút

ANSWER: B

Câu 160. Mối quan hệ giữa chất và lượng theo quan điểm của phép biện chứng duy vật là gì?

- A. Chất là cái tương đối ổn định, lượng là cái thường xuyên biến đổi**

B. Lượng có thể tồn tại thuần túy bên ngoài chất

C. Chất mới ra đời sẽ không đóng vai trò gì với lượng mới của sự vật

D. Chất của sự vật tồn tại bất biến

ANSWER: A

Câu 161. Căn cứ vào quy mô và nhịp độ của bước nhảy, có những bước nhảy nào?

A. Bước nhảy lớn và bước nhảy nhỏ

B. Bước nhảy toàn bộ và bước nhảy cục bộ

C. Bước nhảy nhanh và bước nhảy chậm

D. Bước nhảy tức thời và bước nhảy dần dần

ANSWER: B

Câu 162. Căn cứ vào thời gian của sự thay đổi về chất và dựa trên cơ chế của sự thay đổi đó, có bước những bước nhảy nào?

A. Bước nhảy lớn và bước nhảy nhỏ

B. Bước nhảy toàn bộ và bước nhảy cục bộ

C. Bước nhảy nhanh và bước nhảy chậm

D. Bước nhảy tức thời và bước nhảy dần dần

ANSWER: D

Câu 163. Qua nghiên cứu quy luật lượng – chất của phép biện chứng duy vật có thể rút ra mấy ý nghĩa phương pháp luận?

A. 3 ý nghĩa

B. 4 ý nghĩa

C. 5 ý nghĩa

D. 6 ý nghĩa

ANSWER: B

Câu 164. Nghiên cứu quy luật lượng – chất của phép biện chứng duy vật có thể rút ra ý nghĩa phương pháp luận gì?

A. Chống quan điểm biện chứng

B. Chống quan điểm siêu hình

C. Chống quan điểm toàn diện và lịch sử cụ thể

D. Chống quan điểm tả khuynh và hữu khuynh

ANSWER: D

Câu 165. Chọn nội dung sai khi nghiên cứu ý nghĩa phương pháp luận của quy luật lượng – chất.

A. Trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn phải biết tích lũy về lượng để có biến đổi về chất; không được nôn nóng cũng như không được bảo thủ

B. Khi lượng đã đạt đến điểm nút thì thực hiện bước nhảy là yêu cầu khách quan của sự vận động của sự vật, hiện tượng

C. Sự tác động của quy luật này đòi hỏi phải có thái độ khách quan, khoa học và quyết tâm thực hiện bước nhảy

D. Khi lượng đã đạt đến điểm nút thì không cần thực hiện bước nhảy, mà sự vật tự nó sẽ chuyển thành sự vật mới

ANSWER: D

Câu 166. Khi tìm hiểu ý nghĩa phương pháp luận của quy luật lượng - chất cần chống tư tưởng nào?

A. Tư tưởng nôn nóng

B. Tư tưởng bảo thủ

C. Cả nôn nóng và bảo thủ

D. Tư tưởng lạc quan

ANSWER: C

Câu 167. Trong các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật, quy luật nào đề cập tới vấn đề cơ bản và quan trọng nhất của phép biện chứng duy vật - vấn đề nguyên nhân, động lực của sự vận động, phát triển?

A. Quy luật lượng – chất

B. Quy luật mâu thuẫn

C. Quy luật phủ định của phủ định

D. Quy luật cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

ANSWER: B

Câu 168. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Theo V.I.Lênin, “có thể định nghĩa vắn tắt phép biện chứng là học thuyết về của các mặt đối lập. Như thế là nắm được hạt nhân của phép biện chứng”.

- A. Sự thống nhất**
- B. Sự đồng nhất
- C. Tương đồng
- D. Ngang bằng

ANSWER: A

Câu 169. Khái niệm dùng để chỉ sự liên hệ, tác động theo cách vừa thống nhất, vừa đấu tranh; vừa đòi hỏi, vừa loại trừ, vừa chuyển hóa lẫn nhau giữa các mặt đối lập là:

- A. Mâu thuẫn
- B. Mâu thuẫn biện chứng**
- C. Mâu thuẫn đối kháng
- D. Mâu thuẫn không đối kháng

ANSWER: B

Câu 170. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Yếu tố tạo thành mâu thuẫn biện chứng là các mặt đối lập, các bộ phận, các thuộc tính, có khuynh hướng, nhưng cùng trong mỗi sự vật, hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy.

- A. Biến đổi trái ngược nhau / tồn tại khách quan**

- B. Thay đổi trái ngược nhau / tồn tại chủ quan
- C. Biến đổi lẫn nhau / tồn tại khách quan
- D. Vận động ngang nhau / tồn tại khách quan

ANSWER: A

Câu 171. Chọn nội dung sai về sự thống nhất giữa các mặt đối lập trong sự vật, hiện tượng theo phép biện chứng duy vật.

- A. Các mặt đối lập cần đến nhau, nương tựa vào nhau, làm tiền đề cho nhau tồn tại, không có mặt này thì không có mặt kia
- B. Các mặt đối lập tác động ngang nhau, cân bằng nhau thể hiện sự đấu tranh giữa cái mới đang hình thành với cái cũ chưa mất hẳn
- C. Giữa các mặt đối lập có sự tương đồng, đồng nhất do trong các mặt đối lập còn tồn tại những yếu tố giống nhau
- D. Giữa các mặt đối lập không có sự tương đồng, đồng nhất với nhau, hoàn toàn tách biệt nhau

ANSWER: D

Câu 172. Theo phép biện chứng duy vật sự thống nhất của các mặt đối lập mang tính chất nào?

- A. Tuyệt đối, vĩnh viễn
- B. Tương đối, tạm thời
- C. Vừa tương đối, vừa tuyệt đối
- D. Tính cụ thể

ANSWER: B

Câu 173. Theo phép biện chứng duy vật sự đấu tranh của các mặt đối lập mang tính chất nào?

- A. Tuyệt đối, vĩnh viễn
- B. Tương đối, tạm thời
- C. Tính ổn định
- D. Vừa tương đối, vừa tuyệt đối

ANSWER: A

Câu 174. Khái niệm nào dùng để chỉ sự tác động qua lại theo hướng bài trừ, phủ định lẫn nhau giữa chúng và sự tác động đó cũng không tách rời sự khác nhau, thống nhất, đồng nhất giữa chúng trong một mâu thuẫn?

- A. Thống nhất giữa các mặt đối lập
- B. Đấu tranh giữa các mặt đối lập
- C. Cạnh tranh giữa các mặt đối lập
- D. Ghanh đua giữa các mặt đối lập

ANSWER: B

Câu 175. Theo phép biện chứng duy vật, quy luật mâu thuẫn có vai trò, vị trí như thế nào?

- A. Nguyên nhân, động lực của sự vận động, phát triển
- B. Cách thức của sự vận động, phát triển
- C. Khuynh hướng của sự vận động, phát triển

D. Quy định của sự vận động, phát triển

ANSWER: A

Câu 176. Chọn nội dung sai, theo phép biện chứng duy vật: Mâu thuẫn tồn tại khách quan trong mọi lĩnh vực của thế giới và vô cùng đa dạng, sự đa dạng đó phụ thuộc vào những yếu tố nào?

A. Đặc điểm của các mặt đối lập

B. Vào điều kiện mà trong đó sự tác động qua lại giữa các mặt đối lập triển khai

C. Vào trình độ tổ chức của sự vật, hiện tượng mà trong đó mâu thuẫn tồn tại

D. Vào ý chí chủ quan của con người

ANSWER: D

Câu 177. Căn cứ vào sự tồn tại và phát triển của toàn bộ sự vật, hiện tượng, có những mâu thuẫn nào?

A. Có mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài

B. Có mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản

C. Có mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn thứ yếu

D. Có mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng

ANSWER: B

Câu 178. Căn cứ vào vai trò của mâu thuẫn đối với sự tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng trong mỗi giai đoạn nhất định, có những mâu thuẫn nào?

- A. Mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài
- B. Mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản
- C. Mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn thứ yếu**
- D. Mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng

ANSWER: C

Câu 179. Căn cứ vào quan hệ giữa các mặt đối lập với một sự vật, hiện tượng, có những mâu thuẫn nào?

- A. Mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài**
- B. Mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản
- C. Mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn thứ yếu
- D. Mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng

ANSWER: A

Câu 180. Căn cứ vào tính chất của lợi ích cơ bản là đối lập nhau trong mỗi quan hệ giữa các giai cấp ở một giai đoạn lịch sử nhất định, trong xã hội có những mâu thuẫn nào?

- A. Có mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài
- B. Có mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản
- C. Có mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn thứ yếu
- D. Có mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng**

ANSWER: D

Câu 191. Theo phép biện chứng duy vật, nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn bằng hình thức nào?

A. Đấu tranh giữa các mặt đối lập

B. Điều hoà mâu thuẫn

C. Thuyết phục, giáo dục

D. Hòa bình

ANSWER: A

Câu 191. Theo phép biện chứng duy vật, quy luật nào chỉ ra khuynh hướng của sự vận động, phát triển?

A. Quy luật lượng - chất

B. Quy luật mâu thuẫn

C. Quy luật cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

D. Quy luật phủ định của phủ định

ANSWER: D

Câu 192 . Theo phép biện chứng duy vật, khái niệm dùng để chỉ sự phủ định làm tiền đề, tạo điều kiện cho sự phát triển là phủ định nào?

A. Phủ định biện chứng

B. Phủ định siêu hình

C. Phủ định của phủ định

D. Phủ định sạch trơn

ANSWER: A

Câu 193 . Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Phủ định biện chứng là tự phủ định, tự phát triển của sự vật, hiện tượng; làtrong “sợi dây chuyền” dẫn đến sự ra đời của mới, tiến bộ hơn so với sự vật, hiện tượng cũ.

- A. Mắt khâu / sự vật
- B. Mắt xích / sự vật, hiện tượng**
- C. Khâu trung gian / sự vật mới
- D. Con đường/ hiện tượng

ANSWER: B

Câu 194. Theo phép biện chứng duy vật, phủ định biện chứng có mấy tính chất?

- A. 3
- B. 4**
- C. 5
- D. 6

ANSWER: B

Câu 195. Theo phép biện chứng duy vật, phủ định biện chứng có những tính chất gì?

- A. Tính lịch sử cụ thể và tính lặp lại theo chu kỳ
- B. Tính toàn diện, tính tiến lên
- C. Tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng phong phú**
- D. Tính khoa học, tính phát triển, tính sáng tạo

ANSWER: C

Câu 196 . Theo phép biện chứng duy vật, phủ định nào có các tính chất: Tính khách quan; tính kế thừa; tính phổ biến; tính đa dạng, phong phú?

- A. Phủ định biện chứng
 - B. Phủ định siêu hình
 - C. Phủ định của phủ định
 - D. Phủ định sạch trơn
- ANSWER: A

Câu 197. Tri thức ở bậc đại học phủ định tri thức ở bậc phổ thông là biểu hiện của phủ định nào?

- A. Phủ định biện chứng
- B. Phủ định siêu hình
- C. Phủ định toàn diện
- D. Phủ định của phủ định

ANSWER: A

Câu 198 . Theo phép biện chứng duy vật, việc kế thừa những gì tích cực của sự vật ở giai đoạn phát triển trước, loại bỏ những yếu tố đã lạc hậu hết thời, không còn phù hợp...thuộc loại kế thừa nào?

- A. Kế thừa biện chứng
- B. Kế thừa siêu hình
- C. Kế thừa nguyên xi
- D. Kế thừa từng phần

ANSWER: A

Câu 199 . Tính chất chu kỳ của các quá trình phát triển diễn ra theo hình thức “xoáy ốc” là thể hiện phủ định nào?

- A. Phủ định biện chứng
- B. Phủ định siêu hình
- C. Phủ định lần thứ nhất
- D. Phủ định của phủ định**

ANSWER: D

Câu 200. Theo phép biện chứng duy vật, kết thúc một chu kỳ vận động, phát triển sự vật sẽ như thế nào?

- A. Dường như lặp lại cái ban đầu nhưng ở cấp độ cao hơn về chất và về lượng**
- B. Lặp lại hoàn toàn cái cũ
- C. Loại bỏ hoàn toàn cái cũ
- D. Loại bỏ một phần của cái cũ

ANSWER: A

Câu 201. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Đường xoáy ốc là hình thức diễn đạt rõ nhất của quá trình phát triển biện chứng ở tính kế thừa qua khâu trung gian, tính lặp lại, nhưng không quay lại và tính của sự phát triển.

- A. Đặc trưng / tiến lên**

- B. Đặc tính / quay lại
- C. Đặc điểm / ngang bằng
- D. Tính chất / tiến lên

ANSWER: A

Câu 202. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống về sự phát triển: Theo quan điểm của phép biện chứng, sự phát triển dường như lặp lại, nhưng trên là đặc điểm quan trọng nhất của quy luật phủ định của phủ định.

- A. Cơ sở cao hơn
- B. Cơ sở mới cao hơn**
- C. Cơ sở phát triển cao hơn
- D. Cơ sở lặp lại cái cũ

ANSWER: B

Câu 203. Chọn nội dung sai về nội dung quy luật phủ định của phủ định theo phép biện chứng duy vật

- A. Mỗi lần phủ định là kết quả của sự đấu tranh và chuyển hóa giữa những mặt đối lập trong sự vật, hiện tượng
- B. Phủ định lần thứ nhất làm cho sự vật, hiện tượng cũ chuyển thành sự vật, hiện tượng đối lập với nó
- C. Phủ định lần thứ hai dẫn đến sự ra đời của sự vật, hiện tượng mới mang nhiều nội dung tích cực của sự vật, hiện tượng cũ
- D. Phủ định lần thứ hai lặp lại nguyên xi sự vật, hiện tượng cũ**

ANSWER: D

Câu 204. Theo phép biện chứng duy vật để hoàn thành được một chu kỳ phát triển thì phải trải qua ít nhất mấy lần phủ định?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

ANSWER: A

Câu 205 Trong phép biện chứng duy vật thì quy luật phủ định của phủ định có vai trò gì ?

A. Chỉ ra khuynh hướng của sự phát triển

B. Chỉ ra nguồn gốc của sự phát triển

C. Chỉ ra cách thức của sự phát triển

D. Chỉ ra nguồn gốc và khuynh hướng của sự phát triển

ANSWER: A

Câu 206. Từ việc nghiên cứu quy luật phủ định của phủ định, rút ra mấy ý nghĩa phương pháp luận?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

ANSWER: C

Câu 207. Từ việc nghiên cứu quy luật phủ định của phủ định chỉ ra cho chúng ta biết con đường phát triển của sự vật như thế nào?

- A. Sự phát triển của sự vật, hiện tượng là sự lặp lại có tính chu kỳ
- B. Sự phát triển của sự vật, hiện tượng theo đường thẳng
- C. Sự phát triển của sự vật, hiện tượng theo vòng tròn khép kín
- D. Sự phát triển của sự vật, hiện tượng theo đường xoáy ốc**

ANSWER: A

Câu 208. Chọn nội dung sai về ý nghĩa của quy luật phủ định của phủ định.

- A. Quy luật này chỉ ra khuynh hướng tiến lên của sự vận động của sự vật, hiện tượng; sự thống nhất giữa tính tiến bộ và tính kế thừa của sự phát triển
- B. Quy luật này giúp nhận thức đúng về xu hướng của sự phát triển, đó là quá trình diễn ra theo đường thẳng, không quanh co, phức tạp**
- C. Quy luật này giúp nhận thức đầy đủ hơn về sự vật, hiện tượng mới, ra đời phù hợp với quy luật phát triển
- D. Tuy sự vật, hiện tượng mới thắng sự vật, hiện tượng cũ, nhưng trong thời gian nào đó, sự vật, hiện tượng cũ còn mạnh hơn

ANSWER: B

III. LÝ LUẬN NHẬN THỨC

Câu 209. Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, lý luận nhận thức được xây dựng từ mấy nguyên tắc cơ bản?

- A. 4
- B. 3**
- C. 2
- D. 1

ANSWER: B

Câu 210. Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, đâu là nguyên tắc cơ bản của lý luận nhận thức?

- A. Nguyên tắc khách quan
- B. Nguyên tắc toàn diện
- C. Nguyên tắc thống nhất giữa logic và lịch sử
- D. Nguyên tắc thống nhất giữ lý luận với thực tiễn**

ANSWER: D

Câu 211 . Tìm nội dung sai về các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

- A. Thừa nhận thế giới vật chất tồn tại khách quan bên ngoài và độc lập với ý thức con người

- B. Công nhận cảm giác, tri giác, ý thức nói chung là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan
- C. Lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn để kiểm tra hình ảnh đúng, hình ảnh sai của cảm giác, ý thức nói chung
- D. Lấy thực tế làm tiêu chuẩn để kiểm tra chân lý đúng hay sai**

ANSWER: D

Câu 212. Điền cụm từ đúng vào chỗ trống: Nhận thức là một quá trình phản ánh tích cực, tự giác và thế giới khách quan vào bộ óc con người trên cơ sở thực tiễn.

- A. Thụ động
- B. Sao chép y nguyên
- C. Chụp lại
- D. Sáng tạo**

ANSWER: D

Câu 213. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Theo quan điểm của triết học Mác - Lênin, thực tiễn là toàn bộ những hoạt động có tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo phục vụ nhân loại tiến bộ.

- A. Vật chất / tự nhiên và xã hội
- B. Vật chất - cảm tính / tự nhiên và xã hội**

- C. Vật chất - cảm tính / xã hội
- D. Vật chất - cảm tính / tự nhiên

ANSWER: B

Câu 214. Có mấy hình thức cơ bản của hoạt động thực tiễn?

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

ANSWER: A

Câu 215. Hoạt động nào sau đây không phải là hoạt động thực tiễn?

- A. Hoạt động sản xuất vật chất
- B. Hoạt động thực nghiệm khoa học
- C. Hoạt động chính trị - xã hội
- D. Hoạt động nhận thức

ANSWER: D

Câu 216. Hình thức nào được coi là hoạt động cơ bản, đầu tiên của thực tiễn?

- A. Hoạt động sản xuất vật chất

- B. Hoạt động chính trị - xã hội
- C. Thực nghiệm khoa học
- D. Nghiên cứu lý luận

ANSWER: A

Câu 217. Theo triết học Mác – Lênin, thực tiễn có mấy đặc trưng cơ bản?

- A. 2
- B. 3**
- C. 4
- D. 5

ANSWER: B

Câu 218. Theo triết học Mác – Lênin, thực tiễn có vai trò gì với nhận thức?

- A. Là cơ sở của nhận thức
- B. Là mục đích của nhận thức
- C. Là cơ sở; là mục đích, là động lực chủ yếu và trực tiếp của nhận thức
- D. Là cơ sở, mục đích, động lực chủ yếu và trực tiếp của nhận thức; là tiêu chuẩn để kiểm nghiệm chân lý**

ANSWER: D

Câu 219. Tìm nội dung sai về vai trò của thực tiễn, theo triết học Mác – Lênin.

- A. Thông qua hoạt động thực tiễn, con người tác động vào thế giới khách quan, buộc chúng phải bộc lộ những thuộc tính, những quy luật để con người nhận thức
- B. Thực tiễn luôn đề ra nhu cầu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển của nhận thức, vì thế nó luôn thúc đẩy cho sự ra đời của các ngành khoa học
- C. Hoạt động thực tiễn còn là cơ sở chế tạo ra các công cụ, phương tiện, máy móc mới hỗ trợ con người trong quá trình nhận thức
- D. Thông qua hoạt động lý luận con người chế tạo ra các công cụ, phương tiện, máy móc mới hỗ trợ con người trong quá trình nhận thức

ANSWER: D

Câu 220. Chọn nội dung đúng điền vào chỗ trống, theo triết học Mác – Lênin: Mọi tri thức khoa học - kết quả của nhận thức chỉ có ý nghĩa khi nó được áp dụng vào một cách trực tiếp hay gián tiếp để phục vụ con người.

- A. Đời sống thực tiễn
- B. Đời sống tinh thần
- C. Đời sống hiện thực

D. Đời sống con người

ANSWER: A

Câu 221. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: C.Mác đã khẳng định: “Vấn đề tìm hiểu xem tư duy của con người có thể đạt tới tính chân lý khách quan không, hoàn toàn không phải là mộtmà là một”.

A. Vấn đề thực tiễn / vấn đề lý luận

B. Vấn đề lý luận / vấn đề thực tiễn

C. Vấn đề lý luận / vấn đề thực tế

D. Vấn đề nhận thức / vấn đề cuộc sống

ANSWER: B

Câu 222. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Theo V.I. Lênin: “Quan điểm về đời sống, về..... phải là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận về nhận thức”.

A. Thực tiễn

B. Lý luận

C. Kinh nghiệm

D. Khoa học

ANSWER: A

Câu 223. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: V.I.Lênin đã khái quát con đường biện chứng của quá trình nhận thức như sau: "Từ đến, và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn - đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, của sự nhận thức thực tại khách quan".

- A. Trực quan sinh động / tư duy trừu tượng**
- B. Tư duy trừu tượng / trực quan sinh động
- C. Lý luận / thực tiễn
- D. Nhận thức thông thường / nhận thức khoa học

ANSWER: A

Câu 224. Theo triết học Mác – Lênin, giai đoạn nhận thức của con người phản ánh trực tiếp khách thể được gọi là gì?

- A. Nhận thức lý tính
- B. Nhận thức cảm tính**
- C. Nhận thức lý luận
- D. Nhận thức thông thường

ANSWER: B

Câu 225. Sự phản ánh một mặt, một tính chất riêng lẻ của đối tượng khi đối tượng đang tác động trực tiếp lên các giác quan của con người, gọi là gì?

- A. Tri giác

B. Cảm giác

C. Biểu tượng

D. Khái niệm

ANSWER: B

Câu 226. Giai đoạn nhận thức cảm tính được thực hiện qua những hình thức cơ bản nào?

A. Tri giác – biểu tượng – khái niệm

B. Cảm giác – khái niệm – suy lý

C. Biểu tượng – cảm giác – phán đoán

D. Cảm giác – tri giác – biểu tượng

ANSWER: D

Câu 227. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Theo triết học Mác – Lênin: Thế giới khách quan là, nội dung khách quan của, do đó là nguồn gốc của mọi hiểu biết của con người.

A. Cơ sở / cảm giác

B. Nguồn gốc / cảm giác

C. Điều kiện / ý thức

D. Nguyên nhân / tư duy

ANSWER: B

Câu 228. Theo triết học Mác – Lênin: Hình ảnh sự vật được tái hiện trong óc nhờ trí nhớ, khi sự vật không trực tiếp tác động vào giác quan của con người, được gọi là gì?

A. Lý tính

B. Cảm tính

C. Biểu tượng

D. Tri giác

ANSWER: C

Câu 229. Giai đoạn nhận thức lý tính được thực hiện qua những hình thức cơ bản nào?

A. Khái niệm – phán đoán – suy lý

B. Tri giác – khái niệm – biểu tượng

C. Phán đoán – khái niệm – cảm giác

D. Khái niệm – biểu tượng – suy lý

ANSWER: A

Câu 230. Sự tổng hợp của nhiều cảm giác cho ta hình ảnh tương đối toàn vẹn về sự vật khi sự vật đó đang trực tiếp tác động vào các giác quan, gọi là gì?

A. Tri giác

B. Cảm giác

C. Biểu tượng

D. Suy lý

ANSWER: A

Câu 231. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Theo triết học Mác – Lênin, giai đoạn nhận thức cảm tính, nhận thức sâu sắc, khái quát trong tính chỉnh thể về sự vật.

A. Đem lại những hiểu biết

B. Chưa đem lại những hiểu biết

C. Đem lại hiểu biết tương đối

D. Chưa hiểu biết

ANSWER: B

Câu 232. Theo triết học Mác – Lênin: Giai đoạn con người phản ánh sự vật một cách gián tiếp, khái quát hơn, đầy đủ hơn được gọi là giai đoạn nào?

A. Nhận thức cảm tính

B. Nhận thức lý luận

C. Nhận thức lý tính

D. Nhận thức khoa học

ANSWER: C

Câu 233. Theo triết học Mác – Lênin: Hình thức cơ bản của tư duy trừu tượng, phản ánh khái quát, gián tiếp một, hoặc một số thuộc tính chung có tính bản chất nào đó của một nhóm sự vật, hiện tượng được gọi là gì?

A. Khái niệm

B. Phán đoán

C. Suy lý

D. Tri giác

ANSWER: A

Câu 234. Theo triết học Mác – Lênin: Hình thức liên hệ các khái niệm, phản ánh mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng của thế giới trong ý thức con người được gọi là gì?

A. Khái niệm

B. Phán đoán

C. Suy lý

D. Tri giác

ANSWER: B

Câu 235. Theo triết học Mác – Lênin: Hình thức của tư duy trừu tượng, trong đó các phán đoán đã liên kết với nhau theo quy tắc: phán đoán cuối cùng (kết luận) được suy ra từ những phán đoán đã biết làm tiền đề được gọi là gì?

A. Khái niệm

B. Phán đoán

C. Suy lý

D. Tri giác

ANSWER: C

Câu 236. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Theo triết học Mác – Lênin, nhận thức lý tính có thể phản ánh được mối liên hệ, bên trong của sự vật, phản ánh sự vật, hiện tượng hơn nhận thức cảm tính.

A. Bản chất, tất nhiên / sâu sắc

B. Tất nhiên / đầy đủ

C. Bản chất / hoàn chỉnh

D. Tất yếu / sâu sắc

ANSWER: A

Câu 237. Trong thực tiễn, cần tránh cường điệu, tuyệt đối hoá vai trò của nhận thức cảm tính, hạ thấp và phủ nhận vai trò của nhận thức lý tính, nếu không sẽ rơi vào chủ nghĩa gì?

A. Chủ nghĩa duy lý

B. Chủ nghĩa duy cảm

C. Chủ nghĩa hiện sinh

D. Chủ nghĩa thực dụng

ANSWER: B

Câu 238. Trong thực tiễn cần phải tránh cường điệu vai trò của nhận thức lý tính, của trí tuệ dẫn đến hạ thấp hoặc phủ nhận vai trò của nhận thức cảm tính, sẽ rơi vào chủ nghĩa nào?

- A. Chủ nghĩa duy lý
- B. Chủ nghĩa duy cảm
- C. Chủ nghĩa hiện sinh
- D. Chủ nghĩa thực dụng

ANSWER: A

Câu 239 . Theo quan điểm triết học Mác - Lênin, những tri thức phù hợp với hiện thực khách quan mà con người phản ánh và được thực tiễn kiểm nghiệm được gọi là gì?

- A. Chân lý
- B. Quy luật
- C. Bản chất
- D. Nguyên lý

ANSWER: A

Câu 240. Theo quan điểm triết học Mác - Lênin, chân lý có mấy tính chất?

- A. 2
- B. 3

C. 4

D. 5

ANSWER: C

Câu 241. Theo quan điểm triết học Mác - Lênin, chân lý có các tính chất nào sau đây?

A. Tính khách quan

B. Tính chủ quan, tính sáng tạo

C. Tính khoa học, tính toàn diện, tính lịch sử cụ thể

D. Tính khách quan, tính tuyệt đối, tính tương đối, tính cụ thể

ANSWER: D

Câu 242. Theo quan điểm triết học Mác - Lênin, chân lý có những tính chất nào?

A. Tính khách quan – tính tương đối – tính tuyệt đối – tính cụ thể

B. Tính khách quan – tính phổ biến – tính cụ thể

C. Tính trừu tượng – tính tương đối – tính tuyệt đối – tính đa dạng

D. Tính chung nhất – tính cụ thể – tính tuyệt đối – tính lặp lại

ANSWER: A

Câu 243. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: V.I.Lênin nhấn mạnh: "Thừa nhận chân lý khách quan, tức là chân lý và loài người".

- A. Phụ thuộc vào con người
- B. Không phụ thuộc vào con người**
- C. Lệ thuộc vào con người
- D. Vừa phụ thuộc và vừa không phụ thuộc vào con người

ANSWER: B

Chương 3

CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

I. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

Câu 244. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Ph.Ăngghen khẳng định: "Theo quan điểm duy vật về lịch sử, nhân tố quyết định trong lịch sử xét đến cùng là sự ra đời sống hiện thực".

- A. Sản xuất và tái sản xuất**
- B. Sản xuất
- C. Tái sản xuất
- D. Sản xuất và tái sản xuất đời sống tinh thần

ANSWER: A

Câu 245. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử: Sản xuất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực, bao gồm ba phương diện không tách rời nhau là sản xuất vật chất, sản xuất tinh thần và sản xuất ra bản thân con người được gọi là gì?

- A. Sản xuất ra đời sống hiện thực

B. Sản xuất xã hội

C. Sản xuất các giá trị cho xã hội

D. Sản xuất ra vật chất

ANSWER: B

Câu 246. Sản xuất xã hội, bao gồm mấy phương diện không tách rời nhau?

A. 2 phương diện

B. 3 phương diện

C. 4 phương diện

D. 5 phương diện

ANSWER: B

Câu 247. Sản xuất xã hội bao gồm các hoạt động sản xuất nào sau đây?

A. Sản xuất của cải vật chất và sản xuất tinh thần

B. Sản xuất tinh thần và sản xuất con người

C. Sản xuất của cải vật chất; sản xuất con người và sản xuất tư liệu sản xuất

D. Sản xuất của cải vật chất; sản xuất tinh thần và sản xuất con người

ANSWER: D

Câu 248. Điểm xuất phát để nghiên cứu lịch sử - xã hội của C. Mác là gì?

A. Con người và hiện thực

B. Sản xuất vật chất

C. Các quan hệ xã hội

D. Đời sống xã hội

ANSWER: B

Câu 249. Về vai trò của của mỗi phương diện sản xuất thì phương diện nào giữ vai trò là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người?

A. Sản xuất vật chất

B. Sản xuất tinh thần

C. Sản xuất ra bản thân con người

D. Sản xuất ra đời sống hiện thực

ANSWER: A

Câu 250. Quá trình mà trong đó con người sử dụng công cụ lao động tác động trực tiếp hoặc gián tiếp vào tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiên để tạo ra của cải xã hội, nhằm thoả mãn nhu cầu tồn tại và phát triển của con người gọi là gì?

A. Hoạt động cải tạo tự nhiên

B. Sản xuất vật chất

C. Hoạt động chính trị - xã hội

D. Hoạt động thực nghiệm

ANSWER: B

Câu 251. Chọn nội dung sai về vai trò của sản xuất vật chất, theo chủ nghĩa duy vật lịch sử.

- A. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội loài người
- B. Sản xuất vật chất là tiền đề của mọi hoạt động lịch sử của con người
- C. Sản xuất vật chất là điều kiện chủ yếu sáng tạo ra bản thân con người
- D. Sản xuất vật chất là nhân tố duy nhất sáng tạo ra bản thân con người và xã hội**

ANSWER: D

Câu 252. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử: Nhờ lao động sản xuất mà con người vừa, vừa, cải tạo tự nhiên, ra mọi giá trị vật chất và tinh thần, đồng thời sáng tạo ra chính bản thân con người.

- A. Tách khỏi tự nhiên / hoà nhập với tự nhiên / sáng tạo**
- B. Tách khỏi xã hội / hoà nhập với xã hội / sáng tạo
- C. Tách khỏi môi trường / hoà nhập vào môi trường / sáng tạo
- D. Ra khỏi tự nhiên / hoà nhập với tự nhiên / chủ động

ANSWER: A

Câu 253. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử: Để phát triển xã hội phải bắt đầu từ phát triển lĩnh vực nào?

- A. Đời sống tinh thần
- B. Đời sống kinh tế - vật chất**

C. Đời sống xã hội

D. Sản xuất ra con người

ANSWER: B

Câu 254. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử: Cách thức con người tiến hành quá trình sản xuất vật chất ở những giai đoạn lịch sử nhất định của xã hội loài người được gọi là gì?

A. Quan hệ sản xuất

B. Phương thức sản xuất

C. Lực lượng sản xuất

D. Cơ sở hạ tầng

ANSWER: B

Câu 256. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất xã hội, được gọi là gì?

A. Lực lượng sản xuất

B. Quan hệ sản xuất

C. Tồn tại xã hội

D. Ý thức xã hội

ANSWER: A

Câu 257. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất vật chất xã hội, được gọi là gì?

- A. Lực lượng sản xuất
- B. Quan hệ sản xuất**
- C. Tồn tại xã hội
- D. Ý thức xã hội

ANSWER: B

Câu 258. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Sự biến đổi và phát triển của sản xuất vật chất bắt đầu từ sự biến đổi và phát triển của yếu tố nào?

- A. Lực lượng sản xuất**
- B. Cách thức sản xuất
- C. Kỹ thuật sản xuất
- D. Khoa học công nghệ

ANSWER: A

Câu 259. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Trong ba phương diện không tách rời nhau là sản xuất vật chất, sản xuất tinh thần và sản xuất ra bản thân con người thì phương diện nào là quan trọng nhất?

- A. Sản xuất tinh thần
- B. Sản xuất vật chất**

- C. Sản xuất ra bản thân con người
- D. Sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần

ANSWER: B

Câu 260. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Trong quá trình sản xuất vật chất, con người không ngừng làm biến đổi những yếu tố nào?

- A. Tự nhiên, xã hội, và bản thân con người**
- B. Môi trường tự nhiên và môi trường xã hội
- C. Hoàn thiện các giác quan và tư duy của con người
- D. Thế giới khách quan

ANSWER: A

Câu 261. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Hai mặt đối lập thống nhất biện chứng trong phương thức sản xuất đó là gì?

- A. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất**
- B. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- C. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội
- D. Người bóc lột và người bị bóc lột

ANSWER: A

Câu 262. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Phương thức kết hợp giữa người lao động với tư liệu sản xuất, tạo ra sức sản xuất và năng

lực thực tiễn làm biến đổi các đối tượng vật chất của giới tự nhiên theo nhu cầu nhất định của con người và xã hội gọi là gì?

A. Quan hệ sản xuất

B. Lực lượng sản xuất

C. Sức sản xuất

D. Năng lực sản xuất

ANSWER: B

Câu 263. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Về cấu trúc, lực lượng sản xuất được xem xét trên cả hai mặt, đó là những mặt nào?

A. Kinh tế - kỹ thuật và mặt kinh tế - xã hội

B. Kinh tế và trình độ

C. Quy mô và cách tổ chức

D. Kỹ thuật và quản lý

ANSWER: A

Câu 264. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất là gì?

A. Người lao động và tư liệu sản xuất

B. Người lao động và tư liệu lao động

C. Người lao động và công cụ lao động

D. Đối tượng lao động và công cụ lao động

ANSWER: A

Câu 265. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Tư liệu sản xuất bao gồm những yếu tố nào?

- A. Đối tượng lao động và tư liệu lao động
- B. Con người và công cụ lao động
- C. Con người lao động, công cụ lao động và đối tượng lao động
- D. Công cụ lao động và tư liệu lao động

ANSWER: A

Câu 266. Chọn cụm từ đúng, điền vào chỗ trống: Người lao động là con người có tri thức, kinh nghiệm,và nhất định trong quá trình sản xuất của xã hội.

- A. Kỹ thuật lao động / sáng tạo
- B. Kỹ năng lao động / năng lực sáng tạo
- C. Kỹ xảo lao động / có năng lực
- D. Kỹ năng / tri thức

ANSWER: B

Câu 267. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Trong những yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất, thì nguồn lực cơ bản, vô tận và đặc biệt của sản xuất là nguồn lực nào?

- A. Kỹ thuật
- B. Khoa học

C. Con người

D. Công cụ lao động

ANSWER: C

Câu 268. Những yếu tố cấu thành tư liệu sản xuất theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử là gì?

A. Đối tượng lao động và tư liệu lao động

B. Đối tượng lao động và phương tiện lao động

C. Đối tượng lao động và sức lao động

D. Đối tượng lao động phương tiện lao động và sức lao động

ANSWER: A

Câu 269. Những yếu tố vật chất của sản xuất mà con người dựa vào đó để tác động lên đối tượng lao động nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm đáp ứng yêu cầu sản xuất của con người được gọi là gì?

A. Tư liệu lao động

B. Đối tượng lao động

C. Tư liệu sản xuất

D. Công cụ lao động

ANSWER: A

Câu 270. Trong lực lượng sản xuất, nhân tố có nào là nhân tố có tính cách mạng?

A. Đối tượng lao động

B. Phương tiện lao động

C. Công cụ lao động

D. Người lao động

ANSWER: C

Câu 271. Chọn cụm từ đúng, điền vào chỗ trống: Phương tiện lao động là những yếu tố vật chất của sản xuất, cùng với mà con người sử dụng để tác động lên trong quá trình sản xuất vật chất.

A. Công cụ lao động / đối tượng lao động

B. Tư liệu sản xuất / đối tượng lao động

C. Tư liệu sản xuất / tự nhiên

D. Công cụ lao động / xã hội

ANSWER: A

Câu 272 . Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Yếu tố động nhất, cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất là yếu tố nào?

A. Công cụ lao động

B. Người lao động

C. Phương tiện lao động

D. Tư liệu lao động

ANSWER: A

Câu 273. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Trong lực lượng sản xuất, nhân tố hàng đầu giữ vai trò quyết định là:

- A. Tư liệu sản xuất
- B. Con người lao động**
- C. Công cụ sản xuất
- D. Khoa học, công nghệ

ANSWER: B

Câu 274. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Quá trình phát triển lực lượng sản xuất là kết quả của sự thống nhất biện chứng giữa những yếu tố nào?

- A. Khách quan và chủ quan**
- B. Con người với tự nhiên
- C. Vật chất và ý thức
- D. Tất nhiên và ngẫu nhiên

ANSWER: A

Câu 275. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Nền tảng vật chất của mỗi một hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử là gì?

- A. Phương thức sản xuất
- B. Lực lượng sản xuất**
- C. Tư liệu sản xuất
- D. Quan hệ sản xuất

ANSWER: B

Câu 276. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Trình độ của lực lượng sản xuất là sự phát triển của người lao động và công cụ lao động được thể hiện mấy nội dung?

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

ANSWER: C

Câu 277. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử thì trình độ của lực lượng sản xuất biểu hiện đầy đủ ở nội dung nào sau đây?

- A. Trình độ của quan hệ sản xuất
- B. Trình độ của người lao động
- C. Trình độ của công cụ lao động; trình độ ứng dụng khoa học công nghệ
- D. Trình độ của người lao động; trình độ của công cụ lao động; trình độ tổ chức phân công lao động; trình độ ứng dụng khoa học công nghệ

ANSWER: D

Câu 278 . Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử, yếu tố cơ bản, quan trọng không thể thiếu được, đặc biệt, trình độ phát triển của nó là một nhân tố quyết định năng suất lao động xã hội là yếu tố nào?

A. Công cụ lao động

B. Khoa học

C. Tư liệu lao động

D. Tư liệu sản xuất

ANSWER: B

Câu 279. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Trong những yếu tố cấu thành quan hệ sản xuất thì yếu tố nào giữ vai trò quyết định?

A. Quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất

B. Quan hệ tổ chức, quản lý quá trình sản xuất

C. Quan hệ phân phối sản phẩm

D. Quan hệ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất

ANSWER: A

Câu 280. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Ngày nay, trên thế giới đang diễn ra cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, khoa học đã trở thành trực tiếp.

A. Nhân tố trực tiếp

B. Quan hệ sản xuất

C. Cơ sở sản xuất

D. Lực lượng sản xuất

ANSWER: D

Câu 281. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Nền kinh tế mà trong đó sự sản sinh, phổ cập và sử dụng tri thức của con người đóng vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, từ đó tạo ra của cải vật chất và nâng cao chất lượng cuộc sống con người là nền kinh tế gì?

- A. **Nền kinh tế tri thức**
- B. Nền kinh tế tập trung, bao cấp
- C. Nền kinh tế hiện đại
- D. Nền kinh tế công nghiệp

ANSWER: A

Câu 282. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Tổng hợp các quan hệ kinh tế - vật chất giữa người với người trong quá trình sản xuất vật chất được gọi là gì?

- A. Lực lượng sản xuất
- B. **Quan hệ sản xuất**
- C. Quan hệ xã hội
- D. Quan hệ gia đình

ANSWER: B

Câu 283. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan hệ sản xuất bao gồm mấy quan hệ?

- A. 2
- B. **3**
- C. 5

D. 6

ANSWER: B

Câu 284. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Hãy chỉ ra nội dung nào không đúng về quan hệ sản xuất.

- A. Là quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng
- B. Là quan trọng trong tổ chức quản lý sản xuất
- C. Là quan hệ trong phân phối sản phẩm lao động
- D. Là quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất

ANSWER: A

Câu 285. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Quan hệ nào quy định địa vị kinh tế - xã hội của các tập đoàn người trong sản xuất, từ đó quy định quan hệ quản lý và phân phối?

- A. Quan hệ sản xuất
- B. Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất
- C. Quan hệ trong tổ chức quản lý và trao đổi hoạt động với nhau
- D. Quan hệ về phân phối sản phẩm lao động

ANSWER: B

Câu 286. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Quan hệ nào có vai trò quyết định trực tiếp đến quy mô, tốc độ, hiệu quả của nền sản xuất?

- A. Quan hệ sản xuất
- B. Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất

C. Quan hệ trong tổ chức và quản lý sản xuất

D. Quan hệ về phân phối sản phẩm lao động

ANSWER: C

Câu 287. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Quan hệ nào có vai trò đặc biệt quan trọng, kích thích trực tiếp lợi ích con người; là "chất xúc tác" kinh tế thúc đẩy tốc độ, nhịp điệu sản xuất...Hoặc ngược lại, nó có thể làm trì trệ, kìm hãm quá trình sản xuất?

A. Quan hệ về phân phối sản phẩm lao động

B. Quan hệ về sở hữu đối với tư liệu sản xuất

C. Quan hệ về tổ chức và quản lý sản xuất

D. Quan hệ giữa con người với tự nhiên

ANSWER: A

Câu 288. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Quan hệ nào hình thành một cách khách quan, là quan hệ đầu tiên, cơ bản chủ yếu, quyết định mọi quan hệ xã hội khác?

A. Quan hệ về phân phối sản phẩm lao động

B. Quan hệ về sở hữu đối với tư liệu sản xuất

C. Quan hệ về tổ chức và quản lý sản xuất

D. Quan hệ sản xuất

ANSWER: D

Câu 289. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai mặt của một có tác động biện chứng, trong đó lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất, còn quan hệ sản xuất tác động trở lại to lớn đối với lực lượng sản xuất.

A. Phương thức sản xuất

B. Cơ sở hạ tầng

C. Kiến trúc thượng tầng

D. Tồn tại xã hội

ANSWER: A

Câu 290. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử, về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là như thế nào?

A. Quan hệ sản xuất quyết định lực lượng sản xuất

B. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất

C. Cơ sở hạ tầng quyết định lực lượng sản xuất

D. Kiến trúc thượng tầng quyết định quan hệ sản xuất

ANSWER: B

Câu 291. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử, về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là như thế nào?

A. Cơ sở hạ tầng quyết định lực lượng sản xuất

B. Quan hệ sản xuất quyết định lực lượng sản xuất

C. Lực lượng sản xuất tách biệt hoàn toàn với quan hệ sản xuất

D. Quan hệ sản xuất tác động trở lại lực lượng sản xuất

ANSWER: D

Câu 292. Chọn cụm từ đúng, điền vào chỗ trống: C.Mác đã nêu tư tưởng: “Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có, các cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà công nghiệp”.

A. Chủ nô / địa chủ

B. Tư sản / tư bản

C. Lãnh chúa / tư bản

D. Giai cấp công nhân / tư sản

ANSWER: C

Câu 293. Chọn nội dung sai về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất

A. Sự kết hợp đúng đắn giữa các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất

B. Sự kết hợp đúng đắn giữa các yếu tố cấu thành quan hệ sản xuất

C. Sự kết hợp đúng đắn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất

D. Sự kết hợp đúng đắn giữa cơ sở kinh tế với con người lao động

ANSWER: D

Câu 294. Sự tác động của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất diễn ra như thế nào?

- A. Khi quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất thì nền sản xuất phát triển đúng hướng và thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển
- B. Khi quan hệ sản xuất không phù hợp thì sẽ thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển
- C. Khi quan hệ sản xuất phù hợp thì sẽ kìm hãm lực lượng sản xuất phát triển
- D. Khi quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất thì vừa thúc đẩy vừa kìm hãm lực lượng sản xuất

ANSWER: A

Câu 295. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản là biểu hiện của mâu thuẫn chủ yếu nào?

- A. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- B. Chủ nghĩa Mác-Lênin và hệ tư tưởng phong kiến
- C. Lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội
- D. Người theo tôn giáo và người vô thần

ANSWER: A

Câu 296. Trường hợp nào sau đây khiến cho quan hệ sản xuất trở thành “xiềng xích” cản trở sự phát triển của lực lượng sản xuất?

- A. Quan hệ sản xuất trở nên lỗi thời, lạc hậu hoặc “tiên tiến” hơn

một cách giả tạo so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

B. Quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

C. Do tàn tích của tư tưởng trì trệ, bảo thủ, ngăn cản sự phát triển của cái mới

D. Do giai cấp thống trị trở nên mục ruỗng, củng cố đặc quyền đặc lợi

ANSWER: A

Câu 297. Chọn nội dung sai khi nói về ý nghĩa của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

A. Muốn phát triển kinh tế phải bắt đầu từ phát triển lực lượng sản xuất, trước hết là phát triển lực lượng lao động và công cụ lao động

B. Muốn xoá bỏ một quan hệ sản xuất cũ, thiết lập một quan hệ sản xuất mới phải căn cứ từ trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

C. Muốn phát triển kinh tế thì phải phát triển khoa học – công nghệ

D. Ban hành mệnh lệnh hành chính, mọi sắc lệnh từ trên ban xuống

ANSWER: D

Câu 298. Đảng Cộng Sản Việt Nam chủ trương, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát, là sự vận dụng quy luật nào trong phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay?

A. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất

B. Quy luật biện chứng của tồn tại xã hội và ý thức xã hội

C. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

D. Quy luật đấu tranh giai cấp trong xã hội có đối kháng giai cấp

ANSWER: A

Câu 299. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử: Quy luật cơ bản tác động ở mọi hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử là quy luật nào?

A. Quy luật điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan

B. Quy luật cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

C. Sự phát triển của ý thức xã hội

D. Quy luật giai cấp và đấu tranh giai cấp

ANSWER: B

Câu 300. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử: Toàn bộ những quan hệ sản xuất của một xã hội trong sự vận động hiện thực của chúng hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội đó gọi là gì?

A. Cơ sở hạ tầng

B. Kiến trúc thượng tầng

C. Tồn tại xã hội

D. Ý thức xã hội

ANSWER: A

Câu 301. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử: Toàn bộ những quan điểm, tư tưởng xã hội với những thiết chế xã hội tương ứng cùng những quan hệ nội tại của thượng tầng hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định được gọi là gì?

A. Kiến trúc thượng tầng

B. Tồn tại xã hội

C. Ý thức xã hội

D. Quan hệ sản xuất

ANSWER: A

Câu 302. Nội dung nào là đúng theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử?

A. Cơ sở hạ tầng quyết định lực lượng sản xuất

B. Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng

C. Kiến trúc thượng tầng quyết định quan hệ sản xuất

D. Kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng

ANSWER: B

Câu 303. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: C.Mác khẳng định: “Cơ sở kinh tế thay đổi thì toàn bộ cái đồ sộ cũng bị đảo lộn ít nhiều nhanh chóng”.

A. Cơ sở hạ tầng

B. Ý thức xã hội

C. Kiến trúc thượng tầng

D. Quan hệ sản xuất

ANSWER: C

Câu 304. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử về vai trò của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng là như thế nào?

A. Cơ sở hạ tầng quyết định lực lượng sản xuất

B. Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng

C. Kiến trúc thượng tầng tác động trở lại cơ sở hạ tầng

D. Kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng

ANSWER: C

Câu 305. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử về sự tác động của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng là như thế nào?

A. Kiến trúc thượng tầng tác động cùng chiều với sự phát triển của cơ sở hạ tầng sẽ thúc đẩy cơ sở hạ tầng phát triển

B. Kiến trúc thượng tầng tác động ngược chiều với sự phát triển của cơ sở hạ tầng, của cơ cấu kinh tế nó sẽ thúc đẩy sự phát triển của cơ sở hạ tầng

C. Kiến trúc thượng tầng tác động cùng chiều với sự phát triển của cơ sở hạ tầng sẽ kìm hãm cơ sở hạ tầng phát triển

D. Kiến trúc thượng tầng tác động cùng chiều với sự phát triển của cơ sở hạ tầng vừa thúc đẩy vừa kìm hãm cơ sở hạ tầng phát triển.

ANSWER: A

Câu 306. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Để xây dựng cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa, cần phải tránh khuynh hướng nào sau đây?

- A. Chủ quan duy ý chí, nôn nóng bất chấp các quy luật khách quan
- B. Duy tâm chủ quan
- C. Duy vật siêu hình
- D. Tư tưởng hữu khuynh

ANSWER: A

Câu 307. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam là phát triển kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa là vấn đề có tính quy luật để phát triển đất nước, thì phải phát triển yếu tố nào?

- A. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa
- B. Cơ sở hạ tầng xã hội chủ nghĩa
- C. Lực lượng sản xuất
- D. Kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa

ANSWER: B

Câu 308. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là cơ sở khoa học cho việc nhận thức một cách đúng đắn mối quan hệ giữa phạm trù nào?

- A. Vật chất và ý thức
- B. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội
- C. Kinh tế và chính trị
- D. Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan

ANSWER: C

Câu 309. Ai là tác giả của luận điểm: "Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế... Chính trị không thể không chiếm địa vị hàng đầu so với kinh tế"?

- A. C.Mác
- B. Ăngghen
- C. Hồ Chí Minh
- D. V.I Lênin**

ANSWER: D

Câu 310. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Trong thời kỳ đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương đổi mới toàn diện cả kinh tế và chính trị, trong đó đổi mới, đồng thời đổi mới từng bước thận trọng vững chắc bằng những hình thức, bước đi thích hợp.

- A. Chính trị là trung tâm / kinh tế
- B. Cơ sở hạ tầng là trung tâm / kiến trúc thượng tầng
- C. Kinh tế là trung tâm / chính trị**
- D. Quan hệ sản xuất là trung tâm / lực lượng sản xuất

ANSWER: C

Câu 311. Phạm trù cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử dùng để chỉ xã hội ở từng nấc thang lịch sử nhất định với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó, phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất và một kiến trúc thượng tầng tương ứng được xây dựng trên

những quan hệ sản xuất ấy là phạm trù gì?

- A. Cơ sở hạ tầng
- B. Hình thái kinh tế - xã hội**
- C. Kiến trúc thượng tầng
- D. Tồn tại xã hội

ANSWER: B

Câu 312. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội chỉ ra kết cấu xã hội trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định bao gồm mấy yếu tố cơ bản, phổ biến?

- A. 2
- B. 3**
- C. 4
- D. 5

ANSWER: B

Câu 313. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội là một nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, vạch ra những quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển của xã hội nào?

- A. Mọi xã hội trong lịch sử**
- B. Xã hội tư bản chủ nghĩa
- C. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
- D. Xã hội cộng sản chủ nghĩa

ANSWER: A

Câu 314. Trong phạm trù hình thái kinh tế - xã hội, thì yếu tố nào là nền

tảng vật chất của xã hội, tiêu chuẩn khách quan để phân biệt các thời đại kinh tế khác nhau, yếu tố xét đến cùng quyết định sự vận động, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội?

A. Lực lượng sản xuất

B. Quan hệ sản xuất

C. Cơ sở hạ tầng

D. Kiến trúc thượng tầng

ANSWER: A

Câu 315. Trong phạm trù hình thái kinh tế - xã hội quan hệ nào là khách quan, cơ bản, chi phối và quyết định mọi quan hệ xã hội, đồng thời là tiêu chuẩn quan trọng nhất để phân biệt bản chất các chế độ xã hội khác nhau?

A. Quan hệ giữa kinh tế với chính trị

B. Quan hệ sản xuất

C. Quan hệ giữa vật chất và ý thức

D. Quan hệ giữa con người với con người

ANSWER: B

Câu 316. Trong phạm trù hình thái kinh tế - xã hội, các mối quan hệ giữa người với người trong lĩnh vực tinh thần, tiêu biểu cho bộ mặt tinh thần của đời sống xã hội là phạm trù nào?

A. Lực lượng sản xuất

B. Quan hệ sản xuất

C. Cơ sở hạ tầng

D. Kiến trúc thượng tầng

ANSWER: D

Câu 317. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: quy luật chi phối sự vận động, phát triển của lịch sử xã hội?

A. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất

B. Quy luật phủ định của phủ định

C. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

D. Quy luật về đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội

ANSWER: A

Câu 318. Sự vận động phát triển của xã hội bắt đầu từ sự phát triển của lực lượng sản xuất mà trước hết là sự biến đổi, phát triển của yếu tố nào?

A. Công cụ sản xuất

B. Sự phát triển quan hệ sản xuất

C. Sự phát triển của kiến trúc thượng tầng

D. Sự phát triển của cơ sở hạ tầng

ANSWER: A

Câu 319. Ai là tác giả của luận điểm: “Tôi coi sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên”?

A. C.Mác

B. Ăngghen

C. Lênin

D. Hồ chí Minh

ANSWER: A

Câu 320. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử: Kết quả của sự vận động, phát triển lịch sử loài người là do sự chi phối của các quy luật khách quan nhưng xét đến cùng là sự phát triển của yếu tố nào?

A. Quan hệ sản xuất

B. Lực lượng sản xuất

C. Cơ sở hạ tầng

D. Kiến trúc thượng tầng

ANSWER: B

Câu 321. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống, theo quan điểm của triết học Mác – Lênin, việc phát triển bỏ qua một hay vài hình thái kinh tế - xã hội, bên cạnh những điều kiện khách quan của thời đại, còn phụ thuộc vào của mỗi quốc gia, dân tộc.

A. Ý thức của con người

B. Tính tự giác của nhân dân

C. Nhân tố chủ quan

D. Điều kiện lịch sử cụ thể

ANSWER: C

Câu 322. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Lý luận hình thái kinh tế - xã hội đã giải quyết một cách khoa học về vấn đề phân loại các và phân kỳ lịch sử, thay thế các quan niệm duy tâm, siêu hình trước đó đã trong khoa học xã hội.

A. Chế độ xã hội / thống trị

B. Quốc gia / cai trị

C. Dân tộc / thống lĩnh

D. Chế độ / thống nhất

ANSWER: A

Câu 323. Muốn nhận thức và cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới phải nhận thức và tác động những yếu tố cơ bản nào?

A. Lực lượng sản xuất; quan hệ sản xuất; kiến trúc thượng tầng

B. Lực lượng sản xuất; quan hệ sản xuất; cơ sở hạ tầng

C. Lực lượng sản xuất; cơ sở hạ tầng; kiến trúc thượng tầng

D. Lực lượng sản xuất; quan hệ sản xuất

ANSWER: A

Câu 281. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Con đường phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ ở Việt Nam là phù hợp với của việc “bỏ qua” một hay vài hình thái kinh tế - xã hội trong sự phát triển lịch sử.

A. Tư bản chủ nghĩa / tính quy luật

B. Phong kiến / quy luật

C. Tư bản chủ nghĩa / điều kiện

D. Thuộc địa / hoàn cảnh

ANSWER: A

Câu 324. Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản

chủ nghĩa”, tức là bỏ qua cái gì?

- A. Việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa**
- B. Việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa
- C. Việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và lực lượng sản xuất của chủ nghĩa tư bản
- D. Bỏ qua lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa

ANSWER: A

Câu 325. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội là....., phương pháp luận khoa học và cách mạng trong bác bỏ những quan điểm thù địch, sai trái, phiến diện về xã hội.

- A. Cơ sở lý luận / đấu tranh**
- B. Lý luận / tranh đấu
- C. Cơ sở thực tiễn / đấu tranh
- D. Học thuyết / phê phán

ANSWER: A

II. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC

Câu 326. Trong 3 đặc trưng của giai cấp thì đặc trưng nào giữ vai trò chi phối các đặc trưng khác?

- A. Khác nhau về quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất xã hội
- B. Tập đoàn này có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác
- C. Khác nhau về vai trò trong tổ chức lao động xã hội
- D. Khác nhau về địa vị trong hệ thống tổ chức xã hội

ANSWER: A

Câu 327. Sự phân chia giai cấp trong xã hội bắt đầu từ hình thái kinh tế - xã hội nào?

- A. Chiếm hữu nô lệ
- B. Công xã nguyên thủy
- C. Phong kiến
- D. Tư bản chủ nghĩa

ANSWER: A

Câu 328. Nguyên nhân trực tiếp của sự ra đời giai cấp trong xã hội là gì?

- A. Do sự xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất
- B. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất làm xuất hiện “của dư” tương đối
- C. Do sự chênh lệch về khả năng giữa các tập đoàn người
- D. Do sự phân hoá giữa giàu và nghèo trong xã hội

ANSWER: A

Câu 329. Nguyên nhân nào dẫn đến mâu thuẫn đối kháng giữa các giai cấp?

A. Sự đối lập về lợi ích căn bản – lợi ích kinh tế

B. Sự khác nhau về tư tưởng, lối sống

C. Sự khác nhau giữa giàu và nghèo

D. Sự khác nhau về thu nhập của cải của xã hội

ANSWER: A

Câu 330. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: V.I. Lênin chỉ rõ: “Đấu tranh giai cấp là đấu tranh của bộ phận chống một bộ phận khác, đấu tranh của quần chúng bị tước hết quyền, bị áp bức và lao động, chống bọn có đặc quyền, đặc lợi, bọn áp bức và ăn bám, cuộc đấu tranh của những người hay những người vô sản chống những người hay giai cấp tư sản”.

A. Quần chúng này / công nhân làm thuê / tư bản

B. Nhân dân này / công nhân làm thuê / hữu sản

C. Nhân dân lao động này / lao động làm thuê/ địa chủ

D. Nhân dân này / công nhân / tư sản

ANSWER: B

Câu 331. Theo triết học Mác – Lênin về vai trò của đấu tranh giai cấp,

trong xã hội có giai cấp đối kháng là như thế nào?

- A. Động lực duy nhất của sự phát triển xã hội
- B. Động lực quan trọng, trực tiếp**
- C. Động lực rất quan trọng, nhưng mà gián tiếp
- D. Để giải quyết nhiều mâu thuẫn trong xã hội

ANSWER: B

Câu 332. C.Mác và Ph.Ăngghen đã khái quát và chỉ ra các hình thức đấu tranh giai cấp cơ bản là gì?

- A. Đấu tranh kinh tế; đấu tranh chính trị; đấu tranh tư tưởng**
- B. Đấu tranh chính trị, đấu tranh kinh tế
- C. Đấu tranh chính trị; đấu tranh tư tưởng
- D. Đấu tranh chính trị; đấu tranh tư tưởng; đấu tranh quân sự

ANSWER: A

III. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI.

Câu 333. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Nhà nước, về bản chất, là một tổ chức của một giai cấp về mặt kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác.

- A. Chính trị / thống trị**
- B. Hành chính / bóc lột
- C. Thống trị / địa chủ
- D. Chính trị / tư sản

ANSWER: A

Câu 334. Theo Ph. Ăngghen: Nhà nước thường có mấy đặc trưng cơ bản?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

ANSWER: B

Câu 335. Hãy chỉ ra nội dung sai về các đặc trưng cơ bản của nhà nước

A. Nhà nước quản lý cư dân theo lãnh thổ nhất định

B. Nhà nước có hệ thống các cơ quan quyền lực chuyên nghiệp mang tính cưỡng chế đối với mọi thành viên

C. Nhà nước có hệ thống thuế khóa để nuôi bộ máy chính quyền

D. Nhà nước là bộ máy thực hiện chức năng đối nội và chức năng đối ngoại

ANSWER: D

Câu 336. Nhà nước có mấy chức năng cơ bản?

A. 2 chức năng

B. 3 chức năng

C. 4 chức năng

D. 5 chức năng

ANSWER: A

Câu 337. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin: Chức năng nào sau đây không phải chức năng của nhà nước?

- A. Chức năng giai cấp
- B. Chức năng xã hội
- C. Chức năng đối nội và chức năng đối ngoại
- D. Chức năng giáo dục**

ANSWER: D

Câu 338. Nguyên nhân sâu xa của cách mạng xã hội là gì?

- A. Do mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất**
- B. Do mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản
- C. Do mâu thuẫn lợi ích kinh tế
- D. Do mâu thuẫn lợi ích kinh tế và chính trị

ANSWER: A

IV. Ý THỨC XÃ HỘI

Câu 339. Tồn tại xã hội bao gồm các yếu tố cơ bản là phương thức sản xuất vật chất, điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh địa lý, dân số và mật độ dân số... trong đó yếu tố nào cơ bản nhất?

- A. Phương thức sản xuất vật chất**

- B. Điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh địa lý
- C. Dân số và mật độ dân số
- D. Trình độ học vấn của người dân

ANSWER: A

Câu 340. Chọn nội dung sai về quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội.

- A. Tồn tại xã hội nào thì có ý thức xã hội ấy
- B. Tồn tại xã hội quyết định nội dung, tính chất, đặc điểm và xu hướng biến đổi, phát triển của ý thức xã hội
- C. Khi tồn tại xã hội thay đổi thì ý thức xã hội sớm muộn phải thay đổi theo
- D. Chỉ thay đổi ý thức chính trị, còn các lĩnh vực khác không thay đổi

ANSWER: D

Câu 341. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội được thể hiện mấy nội dung?

- A. 4
- B. 5
- C. 6
- D. 7

ANSWER: B

Câu 342. Chọn ý đúng trong tính độc lập tương đối của ý thức xã hội?

- A. Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội
- B. Ý thức xã hội luôn tiến bộ hơn tồn tại xã hội
- C. Ý thức xã hội thường lạc hậu hơn tồn tại xã hội**
- D. Ý thức xã hội và tồn tại xã hội không có mối liên hệ gì với nhau

ANSWER: C

V. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

Câu 343. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: Theo C.Mác: Con người là một sinh vật có tính xã hội ở trình độ phát triển cao nhất của giới tự nhiên và của lịch sử xã hội, là của lịch sử, sáng tạo nên tất cả các và văn hóa.

- A. Chủ thể / thành tựu của văn minh**
- B. Khách thể / thành tựu của loài người
- C. Chủ nhân / văn minh
- D. Người chủ / thành tựu của văn minh

ANSWER: A

Câu 344. Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống. C. Mác: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là.....”.

- A. Tổng hòa những quan hệ xã hội**
- B. Tổng hợp những quan hệ xã hội

C. Tổng cộng những quan hệ xã hội

D. Tổng kết những quan hệ xã hội

ANSWER: A

Câu 345. Con người theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử là như thế nào?

A. Con người là sản phẩm của Thượng đế

B. Con người là động vật bậc cao của quá trình tiến hóa

C. Con người là một thực thể tự nhiên mang đặc tính xã hội, có sự thống nhất giữa hai phương diện tự nhiên và xã hội

D. Con người là sự tổng hợp giữa phần “con” và phần “người”

ANSWER: C